**BÀI 4. CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO (12 TIẾT)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện

- Nhận biết và phân tích được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB, bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lỗi sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

- Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

- Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

- Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện…)

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

**2. Phẩm chất**: Biết cảm thông, chia sẻ với người khác, phát huy được khả năng tưởng tượng trong học tập và trong đời sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học liệu:** Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

**III. Tiến trình dạy học**

**PHẦN TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV tổ chức hoạt động SÁNG TẠO THẾ GIỚI KÌ ẢO**

- Yêu cầu: Vẽ một bức tranh mô tả về một thế giới kì ảo mà em tưởng tượng được. (Khuyến khích sử dụng màu sắc, hình ảnh và ký hiệu để minh họa ý tưởng của mình một cách rõ ràng và sinh động.) Sau đó, học sinh chia sẻ, nêu ý tưởng về thế giới mà mình tưởng tượng cho cả lớp.

**Ví dụ**: Một thế giới kì ảo với những bức tường rộng lớn làm từ kẹo, mây màu hồng phát ra ánh sáng, và các con thú kỳ lạ đang bay trong bầu trời….

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Các em chắc hẳn đã từng mơ tưởng về một thế giới nơi mọi thứ đều có thể xảy ra, nơi mà những hiện thực không giới hạn và tưởng tượng trở thành hiện thực? Trong trò chơi 'Sáng tạo thế giới kì ảo', chúng ta đã có cơ hội khám phá sức mạnh của tâm trí và sự sáng tạo để tạo ra những hình ảnh về những thế giới kỳ ảo của riêng mình. Và trong chủ điểm tiếp theo của chương trình Ngữ văn 9, chúng ta sẽ mở ra cánh cửa Thế giới kì ảo của văn học qua những trang viết thuộc thể loại truyện truyền kì với những thế giới kì bí, lạ lùng nhưng vẫn có một sợi dây nối kết với thực tại đời sống.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hãy trình bày khái niệm truyện truyền kì  **GV tổ chức hoạt động nhóm, yêu cầu HS hoàn thành PHT** (3 nhóm)    **GV áp dụng kĩ thuật KHĂN TRẢI BÀN:** So sánh điểm giống và khác nhau giữa lời đối thoại và lời độc thoại    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS hoàn thành PHT  - HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá | **I. Truyện truyền kì**  **1. Khái niệm**  - Là thể loại văn xuôi tự sự thời trung đại  - Phản ánh hiện thực qua các yếu tố kì lạ, hoang đường.  - Được viết bằng chữ Hán  - Phát triển mạnh ở thế kỉ XVI- XVII  **Ví dụ:**  - *Thánh tông di thảo* – Tương truyền của Lê Thánh Tông  - *Truyền kì mạn lục* – Nguyễn Dữ  **2. Đặc điểm truyền truyền kì**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Truyện** | **Truyện truyền kì** | | **Không gian** | Nơi câu chuyện xảy ra | Nơi con người và thế giới thần thánh, ma, quỷ có sự tương giao | | **Thời gian** | Thời điểm, khoảnh khắc khi sự việc, câu chuyện xảy ra | + Thời gian ở cõi trần khác với thời gian ở âm ti, thuỷ phủ hoặc thượng giới  + Con người có thể sống nhiều đời, sống nhờ phép thuật kì ảo. | | **Nhân vật** | + Con người  + Loài vật, đồ vật đã được nhân hoá, nhân vật là đồ vật có tính cách của con người | + Con người hay thần linh, ma, quỷ.  + Nhân vật là con người thường có những nét đặc biệt; nhân vật là thần linh, ma, quỷ thường mang tính cách của con người | | **Cốt truyện** | Chuỗi các sự việc chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định và có liên hệ chặt chẽ với nhau | + Thường sử dụng yếu tố kì ảo tạo nên những biến đổi bất ngờ  + Hợp lí hoá những điều ngẫu nhiên, bất bình thường trong cốt truyện | | **Lời người kể chuyện** | Lời người kể dùng để thuật lại một sự việc cụ thể hay giới thiệu, miêu tả khung cảnh, con người, sự vật,… | + Lời kể của một người biết hết mọi chuyện ở trần gian, địa phủ, thượng giới, mọi hành động, suy nghĩ của nhân vật.  + Lời của người kể chuyện thường chiếm tỉ lệ cao trong VB |   **Nhận xét**  - Truyện và truyện truyền kì đều có cốt truyện, thời gian, không gian, nhân vật, lời người kể chuyện, lời độc thoại và đối thoại,...  - Đặc điểm cơ bản của truyện truyền kì là yếu tố kì ảo. Yếu tố đó thể hiện qua: Không gian; thời gian; nhân vật; cốt truyện và lời người kể chuyện.  **II. Lời đối thoại và độc thoại trong văn bản truyện**  **\* Giống nhau**: Đều góp phần thể hiện rõ thái độ, tình cảm, đặc điểm và tính cách nhân vật  **\* Khác nhau**  **- Lời đối thoại**  + Là lời thoại của các nhân vật, thể hiện sự giao tiếp của họ trong sự luân phiên  + Thường được đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép.  **- Lời độc thoại**  + Là lời của nhân vật nói với chính mình, thường dưới dạng lời nói thầm trong đầu  **+ Nếu văn bản dẫn trực tiếp**: Được đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép.  + **Nếu văn bản dẫn gián tiếp**: KHÔNG DÙNG dấu gạch ngang đầu dòng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép |

**Tiết 44,45,46: Văn bản 1**

**CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

*- Nguyễn Dữ -*

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện

- Nhận biết và phân tích được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB, bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lỗi sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

- Đặc điểm thể loại và cách đọc truyện truyền kì

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Phẩm chất:** Biết cảm thông, chia sẻ với người khác, phát huy được khả năng tưởng tượng trong học tập và trong đời sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**Cách 1: GV tổ chức hoạt động Tiếng vọng của thời gian**

- Em biết gì về vị thế của người phụ nữ Việt Nam trong thời phong kiến?

- Em có ấn tượng sâu sắc với tác phẩm nào viết về người phụ nữ? Hãy chia sẻ ấn tượng đó của em.

**Cách 2: Dẫn từ bài hát “Bóng phù hoa” của Phương Mỹ Chi**

Những lời ca trong "Bóng phù hoa" như những tiếng vọng từ quá khứ đưa chúng ta lạc vào một thế giới mờ ảo, nơi những nỗi buồn và nỗi nhớ thương tràn ngập. *Tiếng kinh cầu bên sông, sương khuya vắng lặng, những hạt ngọc dần buông rơi trên khoé mắt*, tất cả tạo nên một bức tranh đầy bi thương về cuộc đời và số phận của những người phụ nữ, điển hình là nhân vật Vũ Nương trong “Chuyện người con gái Nam Xương” đã trải qua.

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *Viết về đề tài người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến có rất nhiều tác giả với nhiều góc nhìn cũng như cách tiếp cận khác nhau. Điểm giao nhau giữa các tác phẩm đó chính là số phận hẩm hiu, nỗi buồn man mác của những con người thấp cổ bé họng, bị coi như những công cụ, những món đồ trao đổi ngược xuôi và kết cục buồn thảm của cảnh đời bất hạnh. Trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về một tác phẩm, một số phận của người phụ nữ phong kiến dưới ngòi bút của tác giả Nguyễn Dữ, Tiết 1 – Văn bản 1 – Chuyện người con gái Nam Xương.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu một số từ khó qua hoạt động CHÚ THÍCH SỐNG**  - Chia lớp thành 4 nhóm  - Các nhóm chọn một đoạn văn bản có chú thích quan trọng.  Trình bày: Mỗi học sinh trong nhóm sẽ đóng vai là một chú thích, trình bày về ý nghĩa, nội dung…của chú thích đó.  - GV yêu cầu HS trình bày ngắn gọn một số thông tin giới thiệu về tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương  **- GV tổ chức hoạt động Mở ra trang sách mới “Truyền kỳ mạn lục” (Cho HS báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị ở nhà)**  **- Nhan đề**: Ghi chép tản mạn những chuyện kì lạ  **- Thể loại**: Truyện truyền kỳ  **- Đặc điểm nghệ thuật**: Thường có yếu tố kì ảo  **- Số lượng**: Gồm 20 truyện  **- Nhân vật chính**: Những người phụ nữ đức hạnh nhưng cuộc đời lại bất hạnh; Những trí thức bất mãn thời cuộc, sống ẩn dật  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - HS báo cáo sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung  *“…Truyền kỳ mạn lục* còn là tập truyện có nhiều thành tựu nghệ thuật, đặc biệt là nghệ thuật dựng truyện, dựng nhân vật. Nó vượt xa những truyện ký lịch sử vốn ít chú trọng đến tính cách và cuộc sống riêng của nhân vật, và cũng vượt xa truyện cổ dân gian thường ít đi sâu vào nội tâm nhân vật. Tác phẩm kết hợp một cách nhuần nhuyễn, tài tình những phương thức tự sự, trữ tình và cả kịch, giữa ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ tác giả, giữa văn xuôi, văn biền ngẫu và thơ ca. Lời văn cô đọng, súc tích, chặt chẽ, hài hòa và sinh động. Truyền kỳ mạn lục là mẫu mực của thể truyền kỳ, là "thiên cổ kỳ bút", là "áng văn hay của bậc đại gia", tiêu biểu cho những thành tựu của văn học hình tượng viết bằng chữ Hán dưới ảnh hưởng của sáng tác dân gian…”  (Theo GS. Bùi Duy Tân) | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  a. Đọc  - Đọc to, rõ ràng, diễn cảm, giọng đọc tha thiết, sâu lắng,…Chú ý phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - GV đọc mẫu đoạn đầu, yêu cầu HS đọc một số đoạn tiêu biểu  b. Chú thích  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Nguyễn Dữ (chưa rõ năm sinh và năm mất), sống ở thế kỉ XVI (thời Lê – Mạc)  - Quê: Hải Dương  - Học rộng, tài cao, làm quan một năm rồi về quê ở ẩn.  - Có đóng góp quan trọng ở thể loại truyện truyền kì. “Truyện kì mạn lục” là tác phẩm tiêu biểu nhất của Nguyễn Dữ, viết bằng chữ Hán, được đánh giá là “thiên cổ kì bút”  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ:** là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của tập “Truyền kì mạn lục”.  **- Nguồn gốc:** truyện dân gian “Vợ chàng Trương”  **- Chủ đề:** niềm xót xa, thương cảm đối với số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến cũng như tấm lòng nâng niu, trân trọng đối với những phẩm chất đẹp đẽ của họ  **- Bố cục**  + **Phần thứ nhất** *(từ đầu đến “lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình”):* Giới thiệu về hai nhân vật Vũ Nương – Trương Sinh; gia cảnh nhà Trương Sinh và cuộc sống của Vũ Nương khi chồng đi lính.  **+ Phần thứ hai** *(từ “Qua năm sau, giặc ngoan cố đã chịu trói” đến “nhưng việc trót đã qua rồi”):* Nỗi oan bị chồng nghi ngờ và hành động tự trầm của Vũ Nương.  **+ Phần cuối** *(từ “Cùng làng với nàng” đến hết)*: Cuộc gặp gỡ tình cờ giữa Phan Lang và Vũ Nương trong động của Linh Phi và việc Vũ Nương trở về trên sông gặp Trương Sinh để giải tỏa nỗi oan khuất. |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động nhóm (4 nhóm), yêu cầu hoàn thành PHT**    **GV đặt câu hỏi gợi dẫn**: Liệt kê các nhân vật trong văn bản. Xác định nhân vật chính, nhân vật phụ.  **GV tổ chức hoạt động nhóm (2 nhóm lớn)**  **+ Nhóm 1:** hoàn thành phiếu khám phá nhân vật Vũ Thị Thiết    **+ Nhóm 2:** hoàn thành phiếu khám phá nhân vật Trương Sinh    **GV tổ chức hoạt động CÙNG SUY NGẪM:** Theo em, nhân vật Phan Lang có vai trò như thế nào trong truyện?  - Cầm theo tín vật của Vũ Nương và trở về nhân gian.  - Nói với Trương Sinh ước nguyện của Vũ Nương (Trương Sinh phải lập đàn bên sông).  🡺 Phan Lang là chiếc cầu nối giữa hai cõi, là nhân tố kết nối giúp Vũ Nương có điều kiện trở về để giải tỏ nỗi oan với Trương Sinh, nhờ đó, Trương Sinh hiểu ra mọi điều về vợ, dù đã quá muộn màng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, trả lời câu hỏi, chia nhóm và hoàn thành PHT  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Cốt truyện, sự kiện, bối cảnh, nhân vật**  **a. Cốt truyện, sự kiện chính**  **(1) Trở thành chinh phụ (đoạn đầu)**  **- Lấy chồng:** Vũ Thị Thiết lấy chồng – người “có tính đa nghi”  **- Làm người chinh phụ:** chồng đi chinh chiến, nàng một mình phụng dưỡng mẹ chồng và nuôi con nhỏ.  **(2) Mắc oan (đoạn tiếp theo)**  **- Trở về**: Trương Sinh trở về sau chinh chiến, mẹ đã mất, con 3 tuổi  **- Ghen tuông và ruồng rẫy**: Đản không nhận Trương Sinh là cha 🡪 nói về một người cha khác 🡪 Trương Sinh nổi ghen, quy cho vợ ngoại tình, không cho thanh minh, hắt hủi và đuổi nàng đi  **- Tỏ lòng và quyên sinh:** nàng chỉ còn biết tỏ lòng với trời đất và tìm cái chết trên bến Hoàng Giang  **- Sự hối lỗi muộn màng**: Trương Sinh hiểu ra sự thật: người mà Đản gọi là cha chỉ là cái bóng trên tường, nhưng đã muộn.  **(3) Giải oan (đoạn cuối)**  **- Ân nghĩa với Linh Phi**: Phan Lang, người cùng làng với Trường sinh, được Linh Phi cứu sống, gặp nàng dưới phủ của Linh Phi 🡪 Phan Lang khuyên nàng về thăm chồng con 🡪 nàng nhờ Phan Lang nói với chàng Trương lập đàn đón nàng về.  **- Lập đàn tràng giải oan:** Trương sinh lập đàn giải oan cho vợ.  **- Trở về và giã biệt:** nàng trở về trên 1 chiếc kiệu hoa…. lúc ẩn, lúc hiện …nói lời đa tạ rồi giã biệt  **🡪 Nội dung bao quát:** Thói ghen tuông của người chồng và số phận bất hạnh của nàng Vũ Thị Thiết.  **b. Bối cảnh**  **- Thời gian**: **Sự kiện sắp xếp theo trình tự tuyến tính** (việc gì xảy ra trước kể trước).  **- Không gian**: **Sự kiện được kể theo các phạm vi nối tiếp nhau:** trần thế (thế giới thực) – thuỷ phủ (thế giới kì ảo) – trần thế, con người có thể đi về giữa hai thế giới.  **c. Nhân vật**  **Nhân vật chính**  - Vũ Nương  - Trương Sinh  **Nhân vật phụ**  - Bé Đản  - Linh Phi  - Phan Lang,…  **\* Nhân vật Vũ Thị Thiết**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các biểu hiện của đặc điểm tính cách** | **Chi tiết, hành động tiêu biểu** | **Sự thể hiện chủ đề** | | **Qua lời giới thiệu nhân vật:** xinh đẹp, nét na | “Tính tình thuỳ mị, nết na”, lại thêm “tư dung tốt đẹp” | Một người vợ “đẹp người, đẹp nết”, vẻ đẹp toàn diện, xứng đáng được quý trọng, được hưởng hạnh phúc. | | **Qua hành động, việc làm trong hoàn cảnh chồng đi chinh chiến:** đảm đang, tận tình, chu đáo. | Phụng dưỡng mẹ chồng già yếu, bệnh tật; lo tang cho mẹ chu toàn khi về già, chăm nuôi con nhỏ khôn lớn… | Người con dâu hiếu nghĩa; người vợ thuỷ chung, người mẹ hiền thảo | | **Qua sự ghen tuông cách đối xử của Trương Sinh**: chịu oan khổ, thiệt thòi, bị đối xử tàn nhẫn 🡪 tìm đến cái chết | + Chịu oan một bề, mọi lời phân trần đều vô hiệu.  + Phải kêu oan cùng trời đất.  + Phải tìm cái chết trên bến Hoàng Giang  + Khi sự thật sáng tỏ thì quá muộn màng | Tiếng nói cảm thương, thái độ phê phán thói ghen tuông gia trưởng, chà đạp nhân phẩm của người phụ nữ | | **Qua lời mẹ chồng, hàng xóm và cuộc sống trở về trên dòng sông:** độ lượng, nết na, được giải oan, nhưng vẫn sống ở thế giới khác | + Mẹ chồng cảm kích thấy nàng xứng đáng có cuộc sống tương lai hạnh phúc.  + Hàng xóm bênh vực, thanh minh giúp, Linh Phi cứu nàng  + Cuộc trở về trang trọng như một sự tôn vinh | + Người tốt đẹp bị vu oan được thần nhân cứu thoát.  + Giải oan, khẳng định sự trong sạch, thuỷ chung, vị tha, độ lượng.  + Lời cảnh báo đối với hành động ghen tuông mù quáng, gia trưởng |   **- Lúc còn sống với gia đình ở trần gian:** Vũ Nương nặng tình với mẹ chồng, chịu thương chịu khó, gánh vác việc nhà.  **- Khi đã về thuỷ phủ:** Vũ Nương vẫn thương chồng con, sẵn sàng tha thứ, nặng ân tình, sống báo đáp ân nhân.  **\* Nhân vật Trương Sinh**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các biểu hiện của đặc điểm tính cách** | **Chi tiết, hành động tiêu biểu** | **Sự thể hiện chủ đề** | | **Qua lời giới thiệu nhân vật:** thói ghen tuông, ngờ vực | “có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức” | Một người chồng ích kỉ, hẹp hòi | | **Qua cách đối xử với vợ sau khi chinh chiến về** | + Nghe lời nói ngây thơ của đứa trẻ mà không suy xét, phân tích, nghi ngờ, hắt hủi vợ  + Động lòng thương khi vợ tự tử, tìm vớt xác vợ  + Nhận ra sự thật, gọi vợ trở về | Phê phán thói ghen tuông gia trưởng, đầy người phụ nữ đến bi kịch. | | **Qua việc nhận biết sự thật và gặp vợ lần cuối** | + Qua lời Phan Lang, lập đàn giải oan cho vợ  + Gọi vợ trong vô vọng | Sự trả giá cho hành động ghen tuông mù quáng |   **Nhận xét:** hai nhân vật đối lập nhau, được đặt cạnh nhau nhằm tương tác, hỗ trợ ý nghĩa, khơi sâu chủ đề, tư tưởng, thông điệp của tác phẩm  🡪 Đối lập 🡪 mang lại sự oan khổ cho vợ và sự tan vỡ hạnh phúc gia đình  🡪 Chịu nhiều bất công, oan khổ vô lí |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Tìm các chi tiết kì ảo được sử dụng trong tác phẩm và nêu tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ để, tư tưởng của tác phẩm.  **GV tổ chức hoạt động BÚT ĐÁNH DẤU:** 30 giây, hãy đánh dấu, tô đậm vào những lời thoại của bé Đản  **Các lượt thoại của bé Đản**  *- Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít. (1)*  *- Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả. (2)*  *- Cha Đản lại đến kìa!(3)*  *-* (Chàng hỏi đâu. Nó chỉ bóng chàng ở trên vách:) *- Đây này! (4)*  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Đọc lời thoại của các nhân vật trong văn bản và cho biết:  a. Lời nói của Vũ Thị Thiết trước khi tìm đến cái chết trên bến Hoàng Giang là đối thoại hay độc thoại? Dựa vào đâuem xác định được như vậy?  b. Các câu nói của bé Đản nói với Trường Sinh trước và sau cái chết của Vũ Thị Thiết có vai trò như thế nào đối với diễn biến của sự việc, câu chuyện?  **GV tổ chức hoạt động GÓC NHÌN ĐA CHIỀU:** Với tính cách như Trương Sinh, nếu không phải ra trận vì chiến tranh, mà phải đi làm ăn xa, trở về thấy con chỉ vào chiếc bóng và nói như vậy, ngọn lửa ghen tuông có thể bùng lên không? Vậy giữa “chiến tranh” và bản tính nghi kị hồ đồ của Trương Sinh, đâu mới là nguyên nhân chủ yếu? Nếu bé Đản không chỉ vào chiếc bóng và bảo đó là cha mình, thì trong suốt cuộc đời vợ chồng sống với nhau, ai dám chắc cơn ghen của Trương Sinh sẽ không có dịp nào bùng phát?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS thực hiện hoạt động, lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Yếu tố kì ảo, lời kể, lời thoại**  **a. Yếu tố kì ảo**  **\* Nhân vật và thế giới kì ảo**: thuỷ phủ của Linh Phi, các đồ vật kì ảo  - Nỗi oan và lơi than của Vũ Thị làm động lòng Linh Phi, được xoa dịu nỗi đau thương, oan khổ; được sống trong thế giới xứng đáng hơn.  🡪 Thể hiện niềm cảm thương, mong ước: có một thế giới tốt đẹp, trọng ân nghĩa  **\* Hành động kì ảo**: Linh Phi báo mông và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị Thiết, trả ơn Phan Lang của Linh Phi  - Hành động ân nghĩa phù trợ lẫn nhau giữa Linh Phi, Phan Lang dành cho Vũ Thị, cho thấy Vĩ Thị là người đáng được trân trọng cứu giúp.  🡪 Thể hiện niềm cảm thương, mong ước: người tốt sẽ được thần nhân phù trợ  **\* Cảnh gặp gỡ kì ảo**: đàn tràng giải oan, cảnh gặp gỡ trong cách biệt  - Vũ Thị trở về, vẫn thuỳ mị nết na nhưng đã trong một tư thế khác, yếu tố kì ảo như hứa hẹn một sự đổi đời.  **b. Lời kể, lời thoại**  **\* Lời kể**: **Lời độc thoại** (lời độc thoại hoá đối thoại độc thoại, nói to suy nghĩ trong lòng với đối tượng nghe ở thế giới khác).  - **Cơ sở xác định**: lời dẫn của người kể chuyện, dấu hiệu lời thoại; cách xưng hô (Kẻ bạc mệnh này … – thần sông…), lời cầu xin, thề thốt (Nếu … Nhược bằng…),…  **\* Lời thoại** : **Các lượt thoại của bé Đản**  **- Câu nói của bé Đản trước cái chết của mẹ (1,2)**  + Thúc đẩy sự kiện tiếp theo (quan hệ nhân – quả) 🡪 làm cho Trương Sinh nổi lòng ghen mù quáng, hắt hủi đuổi vợ  + Nhấn mạnh sự độc đoán, hồ đồ của Trương Sinh  **- Câu nói của bé Đản sau cái chết của mẹ (3,4)**  + Minh oan cho Vũ Thị (mở nút)  + Vạch cho Trương Sinh biết sai lầm của bản thân  + Chuẩn bị cho diễn tiến tiếp theo của câu chuyện: lập đàn giải oan và sự trả giá |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm yếu tố nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Cốt truyện tổ chức theo trật tự tuyến tính, có quan hệ nhân quả.  - Sử dụng yếu tố kì ảo độc đáo.  - Xây dựng nhân vật tài tình, qua lời nói và hành động…  **2. Nội dung**  Thể hiện bi kịch tan vỡ hạnh phúc gia đình của Vũ Nương, qua đó phê phán xã hội phong kiến đồng thời bày tỏ niềm thương xót đối với sự bất hạnh của người phụ nữ. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**1. GV nêu nhiệm vụ:** Lời bình ở cuối truyện về Vũ Thị Thiết có đoạn: ”*Nếu không được trời xét tâm thành, nước không làm hại, thì xương hoa vóc ngọc, đã chôn vào họng cá nơi lòng sông, còn đâu được lại thông tin tức để nết trinh thuần được nhất nhất bộc bạch ra hết”*. Em có đồng ý với lời bình trên không? Vì sao? Qua nhân vật Vũ Thị Thiết, em hiểu thêm điều gì về số phận của người phụ nữ trong một xã hội đề cao nam quyền?

**GỢI Ý**

**\* Nội dung lời bình**: khẳng định *“tâm thành”:* tấm lòng thành – sự hiếu nghĩa với mẹ chồng, sự chung thuỷ với chồng, sự trong sáng thành thực với trời đất, nước non của Vũ Thị Thiết – đã được trời cứu xét, nước chở che

**\* Số phận của người phụ nữ trong một xã hội đề cao nam quyền?**

- Trong hoàn cảnh chiến tranh, chồng đi lính, gánh nặng đè lên đôi vai của người phụ nữ.

- Số phận lệ thuộc, chịu đựng bất công của người phụ nữ.

- Tâm thành của Vũ Thị chỉ có trời nước biết, cứu xét, chở che, chồng không biết; nhưng trong cuộc sống đời thực, nàng phải chấp nhận cái chết oan khuất, được minh oan quá muộn màng.

**2. GV tổ chức Thảo luận nhóm bàn**: Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết *“Chuyện người con gái Nam Xương”* là truyện truyền kì?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**Cách 1: CHO HS XEM VIDEO về nội dung truyện cổ: Vợ chàng Trương.**

**Yêu cầu:** So sánh điểm giống và khác biệt giữa “Chuyện người con gái Nam Xương” và truyện cổ dân gian “Vợ chàng Trương”

**2. GV tổ chức hoạt động Trải nghiệm văn học**

- Chuẩn bị: Chia lớp thành 4 nhóm nhỏ, mỗi nhóm được giao nhiệm vụ chọn một trích đoạn ấn tượng từ "Chuyện người con gái Nam Xương". Đóng vai các nhân vật quan trọng trong trích đoạn đó, như Vũ Thị Thiết, Trương Sinh, mẹ Phan Lang và bé Đản… Viết kịch bản và tập luyện: Học sinh viết kịch bản cho đoạn trích đó và tập luyện diễn xuất tại nhà.

- Trình bày: Sau khi đã chuẩn bị, mỗi nhóm sẽ trình bày trích đoạn của mình trước lớp trong tiết học sau. Hoặc có thể quay video của buổi diễn và gửi lên nhóm lớp để mọi người cùng thưởng thức và đánh giá.

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1.Bài vừa học:

-Nắm được nội dung bài học, học thuộc nội dung ghi vở

2.Bài sắp học: Truyện lạ nhà thuyền chài.

- Đọc văn bản và trả lời câu hỏi sgk/95,96

**Tiết 47,48: Văn bản 2**

**TRUYỆN LẠ NHÀ THUYỀN CHÀI**

**(Ngư gia chí dị)**

*Lê Thánh Tông*

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện

- Nhận biết và phân tích được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

- Nêu được nội dung bao quát của VB, bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lỗi sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

- Đặc điểm thể loại và cách đọc truyện truyền kì

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Phẩm chất:** Biết cảm thông, chia sẻ với người khác, phát huy được khả năng tưởng tượng trong học tập và trong đời sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Văn học dân gian Việt Nam có nhiều tác phẩm đề cao phẩm chất cao đẹp (như sống chung thủy, tình nghĩa, vị tha…) của con người Việt Nam, nhất là người phụ nữ. Hãy chia sẻ với các bạn về một nhân vật phụ nữ trong tác phẩm mà em đã đọc và trân trọng.

🡪 Một số nhân vật phụ nữ trong tác phẩm mà em đã đọc và trân trọng:- Nhân vật Mị Châu trong tác phẩm “Mị Châu - Trọng Thủy”- Nhân vật Tấm trong truyện “ Tấm Cám”- Nhân vật mẹ Âu Cơ trong tác phẩm “Lạc Long Quân và Âu Cơ”- …

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:***Ngày hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu thêm về một văn bản thuộc thể loại truyện truyền kì, nổi bật lên trong đó là hình tượng nhân vật Ngoạ Vân với những vẻ đẹp đại diện cho người con gái Việt Nam. Cụ thể như thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay qua văn bản “Truyện lạ nhà thuyền chài” nhé!

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv gọi HS đọc phân vai trước lớp và giải thích một số từ khó qua hoạt động CHÚ THÍCH NỐI TIẾP:** Gv gọi một bạn giải thích 1 từ khó ngẫu nhiên, sau khi giải thích được, bạn đó có quyền chỉ điểm 1 bạn tiếp theo và đưa ra từ cần được giải thích.  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  **+** Em hãy nêu hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm (xuất xứ, thể thơ và PTBĐ chính)?  + Trình bày hiểu biết của em về tập truyện THÁNH TÔNG DI THẢO  **- Nhan đề**: Bản thảo để lại của Thánh Tông  **- Thể loại**: Nhiều thể loại khác nhau (truyền kì, ngụ ngôn, tạp kí)  **- Đặc điểm nghệ thuật**: Yếu tố kì ảo  **- Số lượng**: 19 truyện kí và 1 truyện phụ lục  **Nội dung**  + Cốt truyện, nhân vật thường dựa vào các sự kiện, câu chuyện trong sử sách  + Chủ đề, thông điệp: đề cao tài trị nước, yên dân; đề cao tư tưởng Nho giáo…  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  **a. Đọc**  **Đọc phân vai**  + Người dẫn chuyện  + Thúc Ngư  + Cha Thúc Ngư  + Ông già (cha Ngoạ Vân)  + Gã bán kinh  + Sơn Nam Thúc  …  **b. Chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:**  **- Lê Thánh Tông** (1442 – 1497), tên là Lê Tư Thành, con thứ 4 của vua Lê Thái Tông.  - Là 1 ông vua thông minh và rất có hiếu, ở với bề tôi đãi lấy lòng thành.  - Ông là người sáng lập ra hội Tao Đàn tập hợp 28 nhà thơ lớn đương thời; để lại nhiều bài thơ xướng hoạ, đẹp đẽ, đánh dấu 1 giai đoạn phát triển của thơ ca Việt Nam.  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ**: : 1 trong 19 truyện in trong tập “Thánh Tông di thảo”  **- Thể loại**: Truyền truyền kì  **- PTBĐ**: Tự sự  **- Bố cục**  + **Phần 1** (Từ đầu đến phần con): Giới thiệu về gia cảnh đôi vợ chồng.  + **Phần 2** (Tiếp theo đến…thế nào cũng mặc): quan niệm khác nhau về học hành giữa hai cha con.  + **Phần 3** (Tiếp theo đến…vẻ gì khác cả): cuộc hội thoại giữa hai vợ chồng.  + **Phần còn lại:** Ngọa Vân từ biệt gia đình Thúc Ngư. |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động CÙNG TÌM CỐT TRUYỆN**  - Trước lúc tạm biệt, Ngoạ Vân đã nhổ ra một điểm rãi trắng trao cho Thúc Ngư và dặn đem hoà với nước thì sẽ không bị chìm, nói xong hoá thành rồng bay về phương Tây Bắc.  - Năm Thúc Ngư 15 tuổi, người cha muốn cho con đi học nhưng Thúc Ngư không chịu, cha mẹ thương con, nên không ép buộc.  - Nhờ vậy, nhà Thúc Ngư giàu có nhanh chóng do đánh bắt được nhiều cá ngon mỗi khi ra khơi  - Do hiếm muộn, 60 tuổi vợ chồng lão đánh cá mới sinh được một cậu con trai, đặt tên là Thúc Ngư.  - Sống hạnh phúc được 4 năm, tai hoạ ập tới, Ngoạ Vân phải hiện nguyên hình cứu gia đình chồng. Vì thiên cơ đã tiết lộ, nàng phải nói lời tạm biệt.  - Suốt ba năm trời, cậu ta đi tìm vợ, tìm vợ tận “đào ấp” cách xa nhà cậu chừng một dặm. Vợ là dòng dõi “hải tiên”, con nhà giàu sang, tên Ngoạ Vân, rất xinh đẹp, có phép rút đường. Hôn lễ được tổ chức ngay sau đó.  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn**:  + Em có nhận xét gì về thời gian và khộng gian được tác giả sử dụng trong văn bản?  + Em hãy phân tích, làm rõ đặc điểm của nhân vật Thúc Ngư và Ngoạ Vân.  **GV tổ chức hoạt động TƯ DUY HỌC ĐƯỜNG:** Em đồng tình hay không đồng tình với quan niệm về việc học và việc chọn nghề của nhân vật Thúc Ngư? Giải thích ý kiến của em.  **Em đồng ý với quan niệm về việc học và việc chọn nghề của Thúc Ngư:**  **- Quan niệm về việc học**: trong sách không có cá, lời nói lại không đem đánh được cá, học để làm gì  **- Quan niệm về việc chọn nghề**: nghề nghiệp là việc trăm năm không nên cẩu thả, cho nên phải đi lâu ngày để xem xét cho kĩ  - Bởi vì Thúc Ngư là một ngư dân nghèo, cuộc sống khó khăn, không có ý định theo con đường khoa cử, do đó các kiến thức thánh hiền trong sách không giúp ích được cho anh. Đồng thời, dù còn nhỏ, nhưng anh cũng hiểu được tầm quan trọng của việc làm đúng nghề phù hợp với mình, nếu chọn sai thì khó mà thành công được  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS thảo luận, chia sẻ quan điểm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Cốt truyện, thời gian, không gian và nhân vật**  **a. Cốt truyện**  - Do hiếm muộn, 60 tuổi vợ chồng lão đánh cá mới sinh được một cậu con trai, đặt tên là Thúc Ngư.  - Năm Thúc Ngư 15 tuổi, người cha muốn cho con đi học nhưng Thúc Ngư không chịu, cha mẹ thương con, nên không ép buộc.  - Suốt ba năm trời, cậu ta đi tìm vợ, tìm vợ tận “đào ấp” cách xa nhà cậu chừng một dặm. Vợ là dòng dõi “hải tiên”, con nhà giàu sang, tên Ngoạ Vân, rất xinh đẹp, có phép rút đường. Hôn lễ được tổ chức ngay sau đó.  - Nhờ vậy, nhà Thúc Ngư giàu có nhanh chóng do đánh bắt được nhiều cá ngon mỗi khi ra khơi  - Sống hạnh phúc được 4 năm, tai hoạ ập tới, Ngoạ Vân phải hiện nguyên hình cứu gia đình chồng. Vì thiên cơ đã tiết lộ, nàng phải nói lời tạm biệt.  - Trước lúc tạm biệt, Ngoạ Vân đã nhổ ra một điểm rãi trắng trao cho Thúc Ngư và dặn đem hoà với nước thì sẽ không bị chìm, nói xong hoá thành rồng bay về phương Tây Bắc.  **b. Thời gian, không gian**  **- Thời gian**: Sự kiện trong câu chuyện được sắp xếp **theo trình tự thời gian** (sự kiện diễn ra trước kể trước, sự kiện diễn ra sau kể sau, không có sự xáo trộn)  **- Không gian**: Tồn tại **song song và gắn kết hai không gian thực và không gian ảo**  **+** Không gian hiện thực: trần gian  + Không gian kì ảo: nơi ở của thánh thần, yêu quái  **c. Nhân vật**  **\* Nhân vật Thúc Ngư**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lời nói** | **Hành động** | **Tính cách** | | *- Trong sách có cá không?*  *- Lấy lời nói và việc làm của thánh hiền mà đánh cá có được không?*  *- Trong sách đã không có cá, lời nói lại không thể đem đánh được cá, con học làm gì?* | - Giúp cha mẹ đánh được nhiều cá, bớt lam lũ, vất vả  - Không đi học  - Đi tìm người đỡ đần – vợ | **🡪 Có động cơ, thực tế, yêu thương cha mẹ** |   **\* Nhân vật Ngoạ Vân**   |  |  | | --- | --- | | **Lời nói, hành động** | **Tính cách** | | - Chào hỏi bố mẹ khi gặp và cử người đưa cha mẹ về  - Trong 4 năm làm dâu, chăm chỉ chung sức gây dựng cơ đồ nhà chồng, là chỗ dựa vững chắc giúp nhà chồng giàu có lên.  - Khi tai hoạ xảy ra, hết lòng và xả thân cứu sống cả gia đình nhà chồng cùng gia sản của họ.  - Trước khi tạm biệt gia đình chồng, hát 1 bài từ biệt và tiết lộ bí quyết giúp gia đình chồng vượt qua gió bão. | - Thuỳ mị, nết na, tháo vát, giỏi giang.  - Tình nghĩa vẹn toàn, chu đáo khi bắt buộc phải từ giã gia đình nhà chồng.  🡪 Thể hiện **phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống** qua từng lời nói, hành vi ứng xử của nàng. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Nêu một số chi tiết kì ảo và chỉ ra tác dụng của chúng trong việc thể hiện tính cách nhân vật, chủ đề của văn bản?  **GV tổ chức Hoạt động nhóm bàn**  Đọc kĩ lời thơ ở đoạn 1, lời hát ở đoạn 4 và cho biết:  a. Phần lời thơ ở đoạn 1 là tự sự, miêu tả hay biểu cảm? Phần lời hát ở đoạn 4 là đối thoại hay độc thoại/ độc thoại nội tâm? Những dấu hiệu nào trong văn bản giúp em nhận biết điều đó?  b. Tác dụng của việc dùng lời thơ, lời hát trong văn bản.    Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm theo bàn, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Yếu tố kì ảo và ngôn ngữ của văn bản**  **a. Yếu tố kì ảo**  **- Nhân vật và thế giới kì ảo:**  +Nhân vật Ngoạ Vân, cha mẹ Ngoạ Vân, "gã bán kinh"  + Cuộc gặp gỡ kì lạ ở không gian biển khơi, đảo ấp  + Yếu tố "thiên cơ" và những luật lệ khác ở trần gian  **- Hành động kì ảo**: việc gã bán kinh đưa cha mẹ Thúc Ngư về nhà, thuật rẽ nước và phép thuật chống lại sóng dữ của Ngoạ Vân  **- Tác dụng khắc hoạ nhân vật**: Thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tính cách của con người  **- Tác dụng thể hiện chủ đề**: Ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam.  **b. Ngôn ngữ của văn bản**  **- Chủ yếu tự sự** (đoạn thơ 1); **kết hợp tự sự với biểu cảm** (cụm từ mang tính biểu cảm: *cũng thật là* ...)  🡪 Gợi tả cuộc sống lương thiện, cần mẫn, đầm ấm của vợ chồng ông ngư.  **- Lời hát ở đoạn 4**: lời của Ngoạ Vân (lặp lại) để giã biệt gia đình chồng, và cũng nói với cả trời đất (*ông xanh*), đây cũng là một dạng đối thoại/ độc thoại nội tâm.  🡪 Thể hiện tình cảm buồn thương, tiếc nuối của nhân vật Ngoạ Vân **🡪 Đa dạng hoá lời văn, tạo sắc thái cổ kính.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Kết hợp những yếu tố hiện thực và yếu tố kì ảo, hoang đường  - Cách kể chuyện, xây dựng nhân vật thành công.  **2. Nội dung**  - *Truyện lạ nhà thuyền chài* kể về cuộc sống của một gia đình thuyền chài trên biển. Truyện tập trung vào cuộc sống của nhân vật chính là Thúc Ngư.  - Qua câu chuyện nhấn mạnh về tình yêu và sự đoàn kết trong gia đình |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**GV tổ chức trò chơi TÀU RA KHƠI**

**1. Hành động *“nhổ một ít nước bọt trắng trao cho Thúc Ngư”*, hòa với nước mặn uống thì xuống nước không chìm, không bao giờ bị nạn chết đuối có ý nghĩa gì?**

A. Thể hiện năng lực làm phép mạnh mẽ của nàng.

B. Thay cho lời vĩnh biệt Thúc Ngư.

C. Thể hiện sự đoạn tuyệt, không bao giờ còn gặp lại nhau được nữa.

**D. Thể hiện ân nghĩa sâu nặng của nàng, của người vợ hiền thảo, thủy chung.**

**2. Không gian truyền kì trong *Ngư gia chí dị*được thể hiện như thế nào?**

A. Con người có thể đi lại giữa thủy cung và trần thế.

**B. Thần linh có thể đi lại ở trần thế, có thể trò chuyện hoặc kết hôn cùng với con người.**

C. Con người có thể nhận năng lực đặc biệt từ thần linh.

D. Thần linh khi đã ở lại trần thế sẽ không thể trở về cõi thần tiên.

**3. Phần bình luận của Sơn Nam Thúc đặt ở cuối truyện có tác dụng gì?**

**A. Đảm bảo tính khách quan cho giọng điệu kể chuyện.**

B. Giúp giọng điệu kể thêm phong phú.

C. Tạo sức lôi cuốn, sâu sắc cho truyện.

D. Tăng dung lượng cho câu chuyện.

**4. Khi không tìm được đường về, vợ chồng nhà thuyền chài đã ghé vào một nhà để xin ngủ nhờ một đêm. Ở đó, họ đã gặp ai?**

A. Thúc Ngư.

**B. Một ông già dưới cằm có hai cái râu rất dài và nàng Ngọa Vân.**

C. Một sinh vật giống như rồng.

D. Một bà lão

**5. Những câu thơ dưới đây là lời của ai?**

*Chồng đem tấm lưới chặn dòng sâu,*

*Vợ vác cần dài tới bế câu.*

*Gió sớm đi ra, chèo một mái,*

*Trăng đêm trở lại cá từng sâu.*

A. Lời của nhân vật Thúc Ngư.

**B. Lời của người kể chuyện.**

C. Lời của Ngoạ Vân.

D. Lời của vợ chồng nhà thuyền chài.

**6. Hành động hiện chân tướng là loài cá để cứu tính mạng gia đình nhà chồng thể hiện điều gì?**

**A. Sự hi sinh của Ngọa Vân, nàng chấp nhận sự chia lìa với chồng, chấp nhận sự đau khổ, xót xa.**

B. Sự tài giỏi trong việc sử dụng phép biến hóa.

C. Sự yếu đuối của người phàm trần.

D. Sự dữ dội của thiên tai, bão lũ.

**7. Ngọa Vân thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện truyền kì?**

**A. Tiên nữ.**

B. Người thường.

C. Ma.

D. Quỷ.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**GV tổ chức hoạt động CÙNG BÀN LUẬN**

1. *Truyện lạ nhà thuyền chài* có phải là truyện truyền kì hay không? Dựa vào đâu để em khẳng định như vậy?

2. Lời bàn của Sơn Nam Thúc ở cuối truyện có tác dụng hỗ trợ em đọc hiểu văn bản *Truyện lạ nhà thuyền chài* như thế nào?

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1.Bài vừa học:

-Nắm được nội dung bài học, học thuộc nội dung ghi vở

2.Bài sắp học: Sơn Tinh, Thủy Tinh

- Đọc văn bản và trả lời câu hỏi sgk/108

**Tiết 49: Đọc kết nối chủ điểm**

**SƠN TINH THUỶ TINH**

*- Nguyễn Nhược Pháp -*

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ.

- Liên hệ, kết nối với văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương” và “Truyện lạ nhà thuyền chài” để hiểu hơn về chủ điểm Con người trong thế giới kì ảo

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Phẩm chất**: Biết cảm thông, chia sẻ với người khác, phát huy được khả năng tưởng tượng trong học tập và trong đời sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV tổ chức trò chơi ĐÂY LÀ AI?**

**1. Ngựa ai phun lửa đầy đồng?**

Đáp án: Thánh Gióng

**2. Ai sinh trăm trứng đồng bào?**

Đáp án: Âu Cơ

**3. Chàng trai mồ côi, được thần tiên giúp đỡ, sở hữu cây đàn thần, cung vàng, ngựa sắt và nhiều phép thuật, là ai?**

Đáp án: Thạch Sanh

**4. Vua nước, oai phong, sức mạnh vô địch, gọi gió, gió đến, hô mưa, mưa về là ai?"**

Đáp án: Thủy Tinh

**5. Ai người tài giỏi, điều khiển núi non, mang voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao để cưới Mị Nương??**

Đáp án: Sơn Tinh

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *Trong trò chơi đoán nhân vật, chúng ta đã gặp rất nhiều nhân vật có sức mạnh phi thường, phép thuật cao cường. Vậy các em có biết truyền thuyết nào có những nhân vật như vậy không?*

***HS:*** *Truyền thuyết Thánh Gióng, Tấm Cám,...*

***GV:*** *Đúng vậy. Hôm nay, chúng ta sẽ đến với một trong những truyền thuyết ấy với những nhân vật sở hữu sức mạnh phi thường, đó là truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh qua bài thơ cùng tên của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv gọi HS đọc trước lớp và giải thích một số từ khó.  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hãy nêu hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm (xuất xứ, thể loại của bài thơ)?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  **a. Đọc**  Giọng vui tươi, trong sáng, dí dỏm  **b. Chú thích**  **- Nhạn**: chim én  **- Gấm điều**: gấm màu đỏ  **- Kiệu:** phương tiện thời trước dùng để khiêng người đi đường, gồm một ghế ngồi có mui che.  **- Hoa:** múa may  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **- Nguyễn Nhược Pháp (1914 – 1938)**  - Quê ở Hà Nội.  - Sáng tác của ông thuộc nhiều thể loại như kịch, truyện ngắn, thơ nhưng người đọc biết đến ông nhiều hơn cả ở tư cách nhà thơ với những bài thơ tiêu biểu như: *“Ngày xưa, Chùa Hương, Tay ngà,…*  *- Sơn Tinh – Thủy Tinh* được đánh giá là một trong những bài thơ đặc sắc nhất của Nguyễn Nhược Pháp.  **b. Tác phẩm**  - **Xuất xứ:** In trong tập *“Ngày xưa”,* in lần đầu năm 1935.  **- Thể thơ**: 7 chữ |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Liệt kê và nêu tác dụng của một số chi tiết kì ảo của văn bản.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Chi tiết kì ảo**  **- Đoàn dẫn lễ của Sơn Tinh**: *Theo sau năm chục con voi xám/ Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều/ Tải bạc, kim cương, vàng lấp loáng,/ Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.*  **- Đoàn dẫn lễ của Thuỷ Tinh:** *Theo sau cua đỏ và tôm cá,/ Chia đội năm mươi hòm ngọc trai./ Khập khiễng bò lê trên đất lạ,/ Trước thành tấp tểnh đi hàng hai*.  **- Thuỷ Tinh gây hấn:** *Thuỷ Tinh cưỡi lưng rồng hung hăng./ Cá voi quác mồm to muốn đớp,/ Cá mập quẫy đuôi, cuồng nhe răng,/ Càng cua lởm chởm giơ như mác,/ Tôm kềnh chạy quắp đuôi xôn xao.*  **- Tác dụng:**  + Là một yếu tố quan trọng, không thể thiếu  + Góp phần tăng thêm sự huyền ảo, kì vĩ cho nhân vật  + Tạo sự thích thú, tò mò cho người đọc |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV tổ chức hoạt động THINK- PAIR- SHARE**    **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Phép thuật của Sơn Tinh và Thủy Tinh thể hiện cụ thể như thế nào? (tài năng)  + Cảnh giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh được nhà thơ miêu tả bằng những chi tiết nào? Phân tích một chi tiết gây ấn tượng mạnh đối với em.  **GV tổ chức hoạt động CÙNG SUY NGẪM:** Theo em, giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh, người kể chuyện có bộc lộ thái độ thiên vị đối với nhân vật nào không? Dựa vào đâu em kết luận như vậy?  Nguyễn Nhược Pháp đã thể hiện một cái nhìn công bằng, không đứng về bất cứ bên nào. Với ông, câu chuyện về Sơn Tinh, Thủy Tinh là câu chuyện của tình yêu; cả hai chàng đều đáng yêu, vì yêu nên mới ghen tuông, giận dữ. Chỉ qua những câu thơ kết thúc tác phẩm, ta cũng có thể thấy được nụ cười hồn hậu, hóm hỉnh và bao dung của nhà thơ trước hành động dâng nước lên đánh Sơn Tinh của Thủy Tinh: *Thủy Tinh năm năm dâng nước bể/ Đục núi hò reo đòi Mị Nương/ Trần gian đâu có người dai thế/ Cũng bởi thần yêu nên khác thường.* 🡺 tạo nên sự tươi mới, trẻ trung, sức hấp dẫn của bài thơ.  Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm theo cặp, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Nhân vật**  **a. Sự khác biệt về cách miêu tả nhân vật trong 2 văn bản**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật được miêu tả** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong thơ Nguyễn Nhược Pháp)** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong truyền thuyết)** | | **Nhân vật Sơn Tinh** | - Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói giống con người.  **- Ví dụ:** Sơn Tinh ngồi bạch hổ đi đầu/ Mình phủ áo bào hồng ngọc dát/ Tay ghì cương hổ, tay cầm lau | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói | | **Nhân vật Thuỷ Tinh** | - Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói giống con người  - **Ví dụ:** Thuỷ Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,/ Yên gấm tung dài bay đỏ choé,/ Mình khoác bào xanh da giời quang | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói |   **b. Nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh**  **\* Tài năng**  **Sơn Tinh**  - Phi bạch hổ  - Niệm chú đẩy đất vù lên cao  - Tay vẫy hùm  - Đạp long đất núi,…  **Thủy Tinh**  - Cưỡi lưng rồng uy nghi  - Bắt quyết hô mưa to gió lớn  - Giậm chân rung khắp làng gần quanh,……  **🡺 Cả hai nhân vật đều có phép thuật cao cường, sức mạnh vô địch**  **\* Cảnh giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh**  **- Thủy Tinh**  *+ sóng cả gầm reo lăn như chớp, cưỡi lưng rồng hung hăng*  + đội quân của Thủy Tinh có *cá voi quác mồm to muốn đớp, cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng,…*  **- Sơn Tinh**  *+ tức khắc niệm chú, đất nẩy vù lên cao;* đưa tay *vẫy hùm, voi, báo;* các con vật thì *đuôi quắp, nhe nanh, giơ vuốt, đạp long đất núi, gầm, xông xáo,* cuộc chiến khiến cho *máu vọt phì reo muôn ngấn hồng,* quang cảnh xung quanh thì *mây đen hăm hở bay mù mịt; sấm ran, sét động nổ lòe xanh…*  **🡺 Cảnh giao tranh dữ dội** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động AI NHANH, AI ĐÚNG**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chủ đề** |  | + Ngợi ca việc vua Hùng chọn được rể hiền tài, tinh thần thượng võ của Sơn Tinh. | | + Bày tỏ niềm ngạc nhiên trước việc thần linh đi hỏi vợ, hờn ghen như người trần gian. | | **Cảm hứng chủ đạo** | + Vua Hùng kén rể | | + Cuộc thi tài hỏi vợ và việc tranh chấp Mỵ nương của hai vị thần Sơn Tinh, Thuỷ Tinh |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá. | **3. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo của văn bản**  **- Chủ đề:**  + Vua Hùng kén rể  + Cuộc thi tài hỏi vợ và việc tranh chấp Mỵ nương của hai vị thần Sơn Tinh, Thuỷ Tinh  **- Cảm hứng chủ đạo:**  + Ngợi ca việc vua Hùng chọn được rể hiền tài, tinh thần thượng võ của Sơn Tinh.  + Bày tỏ niềm ngạc nhiên trước việc thần linh đi hỏi vợ, hờn ghen như người trần gian. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Xây dựng hình tượng nhân vật dáng dấp thần linh, với nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo.  - Cách kể chuyện qua những vần thơ đầy lôi cuốn, hấp dẫn.  **2. Nội dung**  “Sơn Tinh, Thủy Tinh” là câu chuyện tưởng tượng kì ảo, giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai, đồng thời suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

CÂU HỎI 1: **Văn bản *Sơn Tinh – Thủy Tinh* được tác giảlấy cảm hứng từ tác phẩm nào để sáng tác?**

A. Từ truyện truyền kì Sơn Tinh – Thủy Tinh.

**B. Từ truyền thuyết Sơn Tinh – Thủy Tinh.**

C. Từ tập Liêu trai chí dị của Bồ Tùng Linh

D. Tác giả tự sáng tạo ra nội dung.

CÂU HỎI 2: **Phép lạ của Thủy Tinh không được miêu tả bằng những chi tiết nào?**

**A. Nhà lớn, đồi con lổm cổm bò.**

B. Bò lợn và cột nhà trôi theo dòng nước.

C. Ào ào mưa đổ xuống như thác.

D. Hất chòm râu xanh, bắt quyết hô mây to nước cả.

CÂU HỎI 3: **Nguyễn Nhược Pháp đã nhìn nhận trận chiến giữa Sơn Tinh, Thủy Tinh ở góc độ nào sau đây?**

A. Xuất phát từ sự đố kị, hiếu thắng của Thủy Tinh.

**B. Là câu chuyện của tình yêu, của lòng ghen.**

C. Ông chỉ đang bám sát diễn biến trong truyền thuyết Sơn Tinh – Thủy Tinh.

D. Góc độ hiện thực về thiên tai lũ lụt ở đất nước ta.

CÂU HỎI 4: **Văn bản *Sơn Tinh – Thủy Tinh* được viết theo thể loại gì?**

A. Truyện cổ tích.

**B. Thơ 7 chữ.**

C. Truyền kì.

D. Truyền thuyết.

CÂU HỎI 5: **Khi biết mình đến chậm hơn Sơn Tinh, Thủy Tinh đã làm gì?**

A. Áo bào phất phơ nụ cười bay, chấp nhận ra về.

B. Càng giương oai, niệm chú đất nẩy vù lên cao.

C. Ghen tức, hoa tay thần vẫy hùm, voi, báo.

**D. Cưỡi lưng rồng hung hăng, muốn cướp lại Mị Nương.**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**GV tổ chức hoạt động VĂN HOÁ - VĂN HỌC:** Phân tích một số hình ảnh, chi tiết thể hiện khung cảnh cuộc sống “ngày xưa” hoặc nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.

**Một số chi tiết** phản ánh

+ tục thi tài kén rể

+ cảnh dẫn lễ vật

+ tình cảnh lưu luyến, bịn rịn của cô dâu – bố, mẹ cô dâu

+ cảnh rước dâu,...

**🡺 Bài thơ đã làm sống dậy khung cảnh cuộc sống ngày xưa và nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam**

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1.Bài vừa học:

-Nắm được nội dung bài học, học thuộc nội dung ghi vở

2.Bài sắp học: Dế chọi

- Đọc văn bản và trả lời câu hỏi sgk/114

**Tiết 49: Đọc mở rộng theo thể loại:**

**DẾ CHỌI**

*- Bồ Tùng Linh -*

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì: cốt truyện, không gian, thời gian, chi tiết, nhân vật chính và lời người kể chuyện.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Phẩm chất**: Biết cảm thông, chia sẻ với người khác, phát huy được khả năng tưởng tượng trong học tập và trong đời sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**

1. Em đã chơi hay quan sát trò chọi dế bao giờ chưa? Em hiểu gì về trò chơi này?

2. Em suy nghĩ thế nào về hậu quả của việc một ông vua lại mê chơi trò chọi dế?

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *Không chi dừng lại đơn thuần là nhắc đến một thú vui, hôm nay vẫn là chọi dế nhưng lại hàm chứa trong đó lời đả kích sâu cay chế độ chính trị tàn bạo, vạch mặt bọn quan tham nhũng cường hào ác bá và là tiếng nói cảm thông với những số phận bất hạnh. Cụ thể như thế nào, hãy cùng tìm hiểu chi tiết văn bản Dế chọi trong bài học hôm nay cùng cô nhé.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv gọi HS đọc trước lớp và giải thích một số từ khó qua hoạt động **THỬ THÁCH MỘT PHÚT**  - Chia lớp thành các nhóm nhỏ (2 - 4 HS) và 1 nhóm làm giám khảo theo dõi, chấm điểm.  - Mỗi nhóm nhận một danh sách chú thích bất kì. Trong 1 phút, nhóm lần lượt cử các thành viên giải thích các chú thích đó.  - Mỗi 1 chú thích giải thích thành công, nhóm sẽ được ghi nhận 1 điểm (dựa trên tiêu chí: độ chính xác, độ rõ ràng, và khả năng tóm tắt thông tin).  - Nhóm nào được nhiều điểm nhất, nhóm đó giành chiến thắng.  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  **+** Em hãy nêu hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm (xuất xứ, thể loại, chủ đề của bài thơ)?  + Nêu những hiểu biết của em về tập truyện “Liêu Trai chí dị”.  - Là tập sách gồm gần 500 truyện.  - Khai thác cốt truyện từ nhiều truyện dân gian và từ những truyện kì lạ, hoang đường của một số tác giả thời trước.  - Mượn chuyện thần tiên, ma quái, loài vật để phê phán mạnh mẽ nền chính trị và những thói hư tật xấu của xã hội Trung Quốc thời bấy giờ.  - Được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Phổ biến ở Việt Nam từ thế kỉ XIX và cho đến nay đã có nhiều bản dịch khác nhau.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  **a. Đọc**  - Đọc to, rõ ràng, diễn cảm, chú ý phân biệt ngôn ngữ người kể chuyện, ngôn ngữ nhân vật và lời bình ở cuối tác phẩm.  Chú ý các thẻ chỉ dẫn chiến lược đọc (theo dõi, dự đoán, đối chiếu) để có định hướng ban đầu về những vấn đề nổi bật của tác phẩm.  **b. Chú thích**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **Bồ Tùng Linh**  **(1640 – 1715)**  - Là nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc thời nhà Thanh.  - Ông để lại một khối lượng lớn tác phẩm thuộc nhiều thể loại, trong đó, tiêu biểu nhất là “Liêu Trai chí dị”  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ**: In trong tuyển tập “Liêu Trai chí dị”, Nguyễn Văn Huyền *dịch,* NXB Văn học, 2023  **- Thể loại**: Truyện truyền kì  **- Chủ đề**: Sự đam mê thú vui đến mù quáng của những người thuộc bộ máy quản lí nhà nước. |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động 60 GIÂY THỬ THÁCH (hoạt động cá nhân, yêu cầu HS hoàn thành PHT)**    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Cốt truyện và không gian, thời gian trong tác phẩm**  **a. Cốt truyện**  + Vua mê trò chọi dế, khiến dân đen phải chịu cái họa nộp dế chọi.  + Thành bị ép giữ chức nhỏ thúc dân kiếm dế để nộp; do không đáp ứng được yêu cầu đã bị đánh đập tàn tệ.  + Theo sự chỉ dẫn của bà đồng gù, Thành đã bắt được một con dế quý.  + Con trai của Thành tò mò mở lồng xem, để dế nhảy mất; sợ bị cha đánh, nó bỏ trốn, rơi xuống giếng.  + Thành phát hiện con vẫn còn sống, mặc dù thần thái đờ đẫn, ngây ngốc, ngủ mê mệt.  + Thành đuổi theo, bắt được, một con dế nhỏ trong nhà.  + Thành đưa dế ra chọi, không ngờ nó thắng con dế và thắng luôn cả con gà loa vào mổ nó.  + Thành đưa dế lên nộp quan, nó thắng bất cứ con nào, do đó Thành được quan thưởng.  + Dế được dâng lên vua, trở thành con dế vô địch, lại còn biết nhảy mỗi khi có nhạc nổi lên  + Các quan nâng đỡ để Thành đỗ được tú tài  + Con trai Thành bình phục, kể lại việc hóa thành con dế chọi giỏi kia; chỉ vài năm, nhà Thành trở nên giàu sang phú quý.  **🡺 Chuỗi sự kiện được tổ chức theo quan hệ tuyến tính**  **b. Không gian, thời gian trong tác phẩm**  **- Không gian**  + Không gian hẹp: ngôi nhà của Thành, điện thờ của bà đồng gù làm nghề bói toán, ngôi chùa có mộ cổ nơi Thành đi tìm dế, cái thôn nhỏ nơi Thành sinh sống,…  + Không gian rộng: huyện Hoa Âm, tỉnh Thiểm Tây, cung vua  🡪 Gắn với sinh hoạt của nhân vật  🡪 Những địa danh xác thực  **- Thời gian**  + “Hơn một năm”  + “Sau vài năm”  + Thời điểm xác định của lịch sử (đời Tuyên Đức nhà Minh)  🡪 Gắn với sinh hoạt đời thường  🡪 Sự chính xác về thời điểm lịch sử  🡪 Thái độ mỉa mai xã hội |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV tổ chức Thảo luận nhóm bàn:** Nhân vật trong truyện gồm những ai? Thuộc những nhóm nhân vật nào trong truyện truyền kì?  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Hoàn cảnh của nhân vật chính trong truyện được miêu tả như thế nào? Nêu nhận xét của em về nhân vật Thành và hoàn cảnh lúc bấy giờ.  + Phân tích điểm tương đồng, khác biệt về số phận của nhân vật Thành Danh trước và sau khi tìm được dế quý dâng quan.  Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Nhân vật**  **a. Các nhân vật trong truyện**  + Thành**🡪 Nhân vật chính**  + Vợ Thành  + Con trai Thành**🡪 Hóa thành dế, liên quan đến yếu tố kì ảo**  + Bà đồng gù làm nghề bói toán  + Những người dân có liên quan đến chuyện bắt dế  + Lí dịch  + Tri huyện  + Tuần phủ  + Vua.  **🡺 Nhân vật của truyện là con người, thuộc những thành phần khác nhau**  **🡺 Làm nên giá trị riêng của truyện**  **b. Nhân vật Thành**  **\* Hoàn cảnh của nhân vật Thành**  - Đã dự khoa Đồng sinh nhưng không thi đỗ  - Tính tình chất phác  - Bị ép làm lí chính, gia sản cạn kiệt  - Gặp kì nộp dế, không dám sách nhiễu dân, lo buồn chỉ muốn chết  - Nộp dế không đủ quy cách, bị trách phạt, chỉ nghĩ tới việc tự tử.  **🡺 Hiền lành, chất phác, thương dân**  **🡺 Tuyệt vọng**  **\* Tình huống đối lập xoay quanh nhân vật Thành**  **- Điểm tương đồng**: Số phận lệ thuộc vào việc tìm bắt dế, dâng tiến dế quý.  **- Điểm khác biệt**  **+ Trước khi tìm được dế quý**: Là nạn nhân; sống trong tình trạng lo lắng, khốn khổ, điêu đứng, tai hoạ ập đến: dế sổng, con chết  **+ Sau khi tìm được dế quý**: Là kẻ được trọng vọng, ân thưởng sống sung túc, tai qua nạn khỏi |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv yêu cầu HS hoàn thành PHT cá nhân 🡪 đối phiếu và chấm chéo cho các bạn cùng bàn**    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS hoàn thành PHT  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá. | **3.** **Yếu tố kì ảo**  **\* Thế giới và nhân vật kì ảo:** con dế, cô đồng  - Thầy bói chỉ cách bắt dế.  - Con dế kì lạ (không rõ là dế hay người)  🡪 Tô đậm cảnh cùng quẫn của dân chúng vì nạn dâng dế quý.  **\* Tình tiết/ biến hoá kì ảo:** người hoá dế, tìm được dế lạ nhờ cô đồng  - Người sắp chết nhập hồn hoá dế  - Dế quý (lanh lẹ, chọi giỏi), cứu người, hoá người.  🡪 Thể hiện số phận thăng trầm của nhân vật là vì dế, nhờ dế. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Cốt truyện là chuỗi sự kiện được tổ chức theo quan hệ tuyến tính  - Có sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và yếu tố kì ảo. Các yếu tố kì ảo gắn với những sự kiện quan trọng nhất, quyết định diễn biến của câu chuyện và số phận của nhân vật chính.  Xây dựng hình tượng nhân vật dáng dấp thần linh, với nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo.  - Cách kể chuyện qua những vần thơ đầy lôi cuốn, hấp dẫn.  **2. Nội dung**  Thể hiện nghịch lí khó tin trong cuộc sống mà nguyên nhân chỉ từ một con dế nhỏ, qua đó, tác giả phê phán sâu sắc xã hội phong kiến đương thời. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**GV tổ chức trò chơi VÒNG QUAY MAY MẮN**

**1. Ai là nhân vật chính trong văn bản “Dế chọi”?**

**A. Thành**

B. Vợ Thành

C. Con trai Thành

D. Tri huyện

**2. Bà đồng bói toán xuất hiện với vai trò gì?**

**A. Là người chỉ điểm cho gia đình Thành nơi có dế.**

B. Là người tìm bắt dế cho Thành.

C. Là người cứu Thành khỏi những trận đòn roi.

D. Là người dự đoán trước tương lai của Thành.

**3. Đâu là yếu tố kì ảo được sử dụng trong truyện?**

A. Chi tiết con dế của Thành chọi đâu thắng đó.

**B. Con dế chọi đấu thắng đó là do hồn con trai Thành đã hóa thân vào con dế chọi đó.**

C. Chi tiết con trai Thành vớt từ giếng lên vẫn còn thoi thóp thở, nhưng thần thái ngây ngốc như người gỗ, ngủ mê mệt.

D. Chi tiết bà đồng chỉ điểm nơi có dế cho nhà Thành.

**4. Đặc trưng nổi bật nào của thể truyền kì được thể hiện trong văn bản *Dế chọi?***

A. Tính phê phán, đả kích.

B. Yếu tố bi kịch.

**C. Yếu tố hoang đường, kì ảo.**

D. Yếu tố hài hước, châm biếm.

**5. Đâu là điển cố trong văn bản *Dế chọi*?**

A. Phúc ấm.

**B. Ngọc báu liên thành.**

C. Trác dị.

D. Giải xác thanh.

**6. Theo em, thể truyền kì có vị trí như thế nào trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam?**

A. Truyền kì có một vị trí vô cùng quan trọng, là cầu nối giữa văn học dân gian và văn học viết.

B. Truyền kì đánh dấu sự phát triển của văn xuôi tự sự trung đại.

C. Là khởi đầu cho nền văn học viết của dân tộc.

**D. Truyền kì có một vị trí vô cùng quan trọng, là cầu nối giữa văn học dân gian và văn học viết, đánh dấu sự phát triển của văn xuôi tự sự trung đại.**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**1. GV tổ chức hoạt động NGƯỜI PHÁN XỬ:** Câu chuyện trong văn bản cho thấy tục lệ dâng hiến dế quý cho quan lại, vua chúa đã tác động như thế nào trong đời sống của các hạng người trong xã hội đương thời.

- B1: Nêu những hệ luỵ của tục lệ dâng hiến dế quý.

- B2: Nêu những nhận xét/ý kiến cá nhân

**GỢI Ý**

**- Quan tỉnh** đồi phải cung tiến thường xuyên

**- Quan huyện** đòi lí trưởng cung cấp

**- Lí dịch** lấy lệ cung tiến dế để sách nhiễu dân chúng

**- Bọn tay chơi** lợi dụng để nâng giá thành của con dế

**- Lí chính**: Thành Danh lên voi xuống chó, khuynh gia bại sản, con anh chết đi sống lại

🡪 Mọi hệ lụy và tác hại của trò chọi dế đối với đời sống là tất yếu.

🡪 Phơi bày bộ mặt của xã hội trong một thời kì.

**🡪 Phê phán** nghiêm khắc hiện thực xã hội đương thời.

**🡪 Châm biếm** sự tồn tại công nhiên của những điều phi lí, vô lối

**2. GV tổ chức hoạt động Sự lựa chọn**

**Gv giao về nhà, HS lựa chọn 1 trong 2 nhiệm vụ**

a. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết “Dế chọi” là truyện truyền kì?

b. Theo em, nếu bỏ đi phần “lời bàn của tác giả” ở cuối truyện thì việc đọc hiểu truyện Dế chọi có khó khăn/ thuận lợi gì?

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1.Bài vừa học:

-Nắm được nội dung bài học, học thuộc nội dung ghi vở

2.Bài sắp học: **Thực hành tiếng việt: Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu.**

- Đọc văn bản và trả lời câu hỏi sgk/109

**TIẾT 50,51 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP VÀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CÂU.**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

**2. Phẩm chất:**

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập,...)

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV tổ chức hoạt động PHÓNG VIÊN HỌC ĐƯỜNG- Chủ đề: Khám phá những ước mơ lớn**

- GV chia lớp thành 4 nhóm nhỏ, mỗi nhóm sẽ tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên (người phỏng vấn, người trả lời, người ghi chép, người được phóng vấn…..)

- HS tiến hành phỏng vấn, ghi chép (3 phút) với chủ đề: “Khám phá những ước mơ lớn.”

Sau khi hoàn thành, các nhóm sẽ trình bày lại cuộc phỏng vấn trước lớp bằng cách thuật lại nội dung của cuộc phỏng vấn.

**Ví dụ:**

**Trực tiếp**

- Chào Minh, mình rất vui được trò chuyện cùng bạn hôm nay. Mình biết bạn có một ước mơ rất lớn, bạn có thể chia sẻ về nó được không?

- Mình ước mơ trở thành một nhà thiết kế thời trang nổi tiếng. Mình thích sáng tạo những bộ trang phục độc đáo và mang đến niềm vui cho mọi người.

**Gián tiếp**

- Tôi vừa có một cuộc phỏng vấn với bạn Minh. Bạn Minh bày tỏ ước mơ trở thành một nhà thiết kế thời trang nổi tiếng. Bạn ấy thích sáng tạo những bộ trang phục độc đáo và mang đến niềm vui cho mọi người.

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** Tại sao cùng truyền tải một thông tin đến với người đọc, người nghe, nhưng một ví dụ lại là trực tiếp, 1 ví dụ lại là gián tiếp. Hai cách dẫn dắt, truyền tải đó có gì khác nhau, cách nhận diện cách dẫn đó là gì, cụ thể như thế nào, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học ngày hôm nay nhé!

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

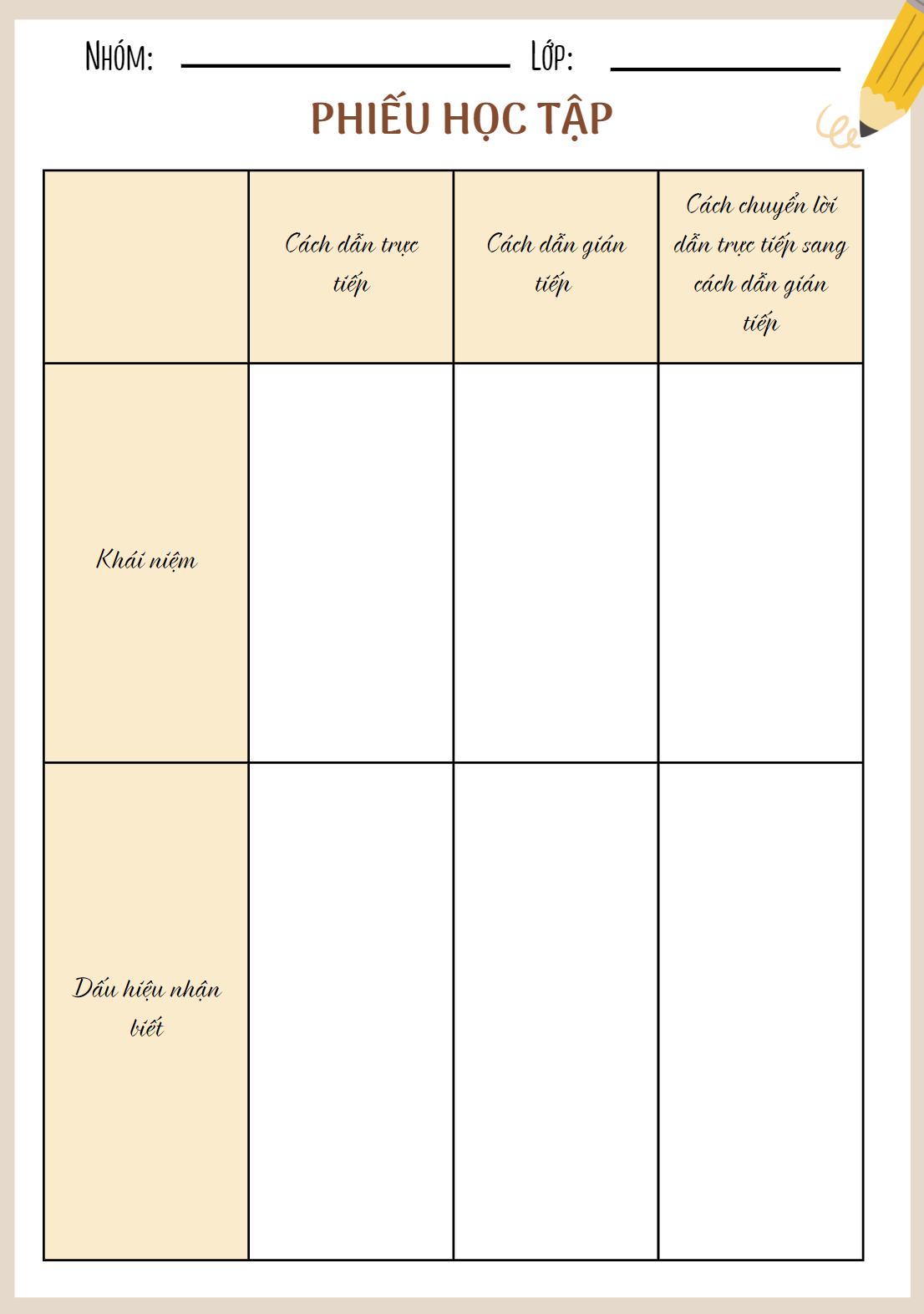
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn HS phân tích ví dụ**  1. Hoài Thanh nói rõ quan niệm của ông về phê bình: **“Điều tôi ngại nhất là mang tên nhà phê bình. Hai chữ nhà phê bình sao nghe nó khó chịu quá**  **🡪 Bộ phân in đậm là**: Lời nói của nhân vật  **- Được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng dấu**: dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.  **🡪 Cách dẫn** **trực tiếp**  Trong Thi nhân Việt Nam, **Hoài Thanh bày bỏ sự ngại ngùng, khó chịu khi được gọi là nhà phê bình.**  **🡪 Bộ phân in đậm là**: Lời nói của nhân vật  **- Được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng dấu:** Không có  **🡪 Cách dẫn** **gián tiếp**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tri thức tiếng Việt**  **Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Cách dẫn trực tiếp** | **Cách dẫn gián tiếp** | **Cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp** | | **Khái niệm** | **Nhắc lại nguyên văn** lời nói hay ý nghĩ của một người/ nhân vật. | **Thuật lại** lời nói hay ý nghĩ của một người/ nhân vật theo cách diễn đạt của mình | **- B1:** Lược bỏ dấu ngoặc kép, dấu hai chấm đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp.  **- B2:** Diễn đạt lại nội dung phần dẫn trực tiếp sao cho hợp lí, đảm bảo trung thành với ý được dẫn trong bản gốc. | | **Dấu hiệu nhận biết** | - **Khi viết:** được đặt trong dấu ngoặc kép sau dấu hai chấm.  - **Khi nói** giữ nguyên ngôi xưng hô. | - **Khi viết**: không đặt trong dấu ngoặc kép.  **- Khi nói** ngôi xưng hô có sự thay đổi.  **- Thường đi kèm các từ “*rằng”, “là”*** | |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 1,2,3  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, làm bài  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS suy nghĩ và hoàn thành bài tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1**  - **Lời dẫn**: *Nuôi vật hèn kém cuối cùng cũng vô dụng, chi bằng đem chọi lấy một tiếng cười*.  **- Cách dẫn:**  +Dùng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép  + Nhắc lại nguyên văn ý nghĩ của nhân vật Thành.  **Bài 2**  **a.** Trong lời thoại của ông Giuốc-đanh, cụm từ cụ lớn được sử dụng 5 lần  + Có 3 lần là lời dẫn trực tiếp (đặt trong dấu ngoặc kép)  + Có 2 lần là lời dẫn gián tiếp  b. Cách ông Giuốc-đanh sử dụng cụm từ cụ lớn như vậy cho thấy ông ta rất thích thú, hài lòng khi được thợ phụ gọi mình như vậy 🡪 qua đó cho thấy nét tính cách "trưởng giả học làm sang" của ông ta  c. *Biết ông Giuốc- đanh là "trưởng giả học làm sang", gã thợ phụ bèn nghĩ cách dùng lời nịnh nọt ngọt ngào để vòi tiền ông ta:*  *– Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.*  *Nghe vậy, ông Giuốc-đanh vô cùng đắc ý. Ông thốt lên:*  *– "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây.*  **Bài 3**  **a. Lời nói của nhân vật Vũ Nương**  - Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng trở về nhân gian được nữa.  **Cách dẫn**: **Dẫn trực tiếp:**  + Sau dấu hai chấm  + Sau dấu gạch đầu dòng  **Tác dụng của cách dẫn**  - Giữ được nguyên văn lời nói của Vũ Nương  - Nàng nói cho Trương Sinh biết rõ tình thế và lựa chọn không thể khác của nàng  b. *Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.*  ***Chàng vội gọi, nhưng nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào. Vũ Nương nói cho Trương Sinh biết rằng nàng đã thề sống chết không bỏ Linh Phi, rằng rất đa tạ chàng nhưng nàng chẳng trở về nhân gian được nữa.***  *Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.*  **c. Điểm khác nhau**  - Lời nói của Vũ Nương trong đoạn trích: dẫn trực tiếp  - Lời nói của Vũ Nương trong phần thuật lại của em: dẫn gián tiếp |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**GV yêu cầu HS hoàn thành PHT để kiểm tra mức độ nắm bài, hiểu và ghi nhớ bài của HS**

****

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1.Bài vừa học:

-Nắm được nội dung bài học, học thuộc nội dung ghi vở

2.Bài sắp học: **Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã học**

- Đọc văn bản và trả lời câu hỏi sgk/117

**TIẾT: 52,53**

**VIẾT MỘT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO DỰA TRÊN MỘT TRUYỆN ĐÃ HỌC**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc, sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (bảng kiểm…)

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV tổ chức hoạt động THỬ TÀI GHI NHỚ**

**Gv chiếu ảnh trong 15 giây, HS ghi nhớ và viết đúng tên tác phẩm truyện có trong hình**

****

1. Cô bé lọ lem
2. Tấm cám
3. Rùa và thỏ
4. Sọ dừa
5. Ếch ngồi đáy giếng
6. Cây khế
7. Cây tre trăm đốt
8. Ba lưỡi rìu
9. Thạch sanh
10. Cóc kiện trời
11. Câu chuyện bó đũa

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên câu chuyện đã đọc là một cách để các em phát huy khả năng sáng tạo và trí tưởng tượng. Qua đó rèn luyện cho các em kĩ năng trình bày rõ ràng, mạch lạc khi kể chuyện. Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu về Cách viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một câu chuyện đã đọc trong bài học ngày hôm nay nhé.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Viết một truyện kể sáng tạo **dựa trên một truyện kể đã đọc là gì?**  **+** Theo em, với kiểu bài này, chúng ta cần phải lưu ý những yêu cầu gì?  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**  **1. Khái niệm**  Viết một truyện kể sáng tạo **dựa trên một truyện kể đã đọc** là **dùng trí tưởng tượng và kĩ năng kể chuyện** của người viết để viết một truyện kể bằng cách **phỏng theo một truyện đã đọc** với những **sáng tạo**, kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể.  **2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản**  - Có nhân vật, cốt truyện, bối cảnh phù hợp; nội dung có tính giáo dục.  - Thể hiện được sự sáng tạo của người viết về nội dung truyện đã đọc (khơi sâu, nắn lại chủ đề, bổ sung nhân vật, sự việc; thay đối bối cảnh, quan hệ;...) hoặc về hình thức (thay đổi ngôi kể, nhân vật; cách tạo dựng đối thoại, độc thoại, biện pháp tu từ, kết hợp miêu tả, biểu cảm;...).  - Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm  **- Cấu trúc cần đảm bảo:** 3 phần  **- Mở đầu truyện:** giới thiệu nhân vật/ bối cảnh/ nội dung chính của truyện kể.  **- Diễn biến truyện:**  + Thuật lại diễn biến các sự việc trong câu chuyện theo một trình tự hợp lí  + Thể hiện được khả năng tưởng tượng và cách kể chuyện sáng tạo  + Có kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể chuyện.  **- Kết thúc truyện**: phù hợp, gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc (tuỳ trường hợp có thể giải thích hoặc khái quát ý nghĩa bài học từ truyện kể). |

**Phần II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động CÂU HỎI CHO AI?**  1. Tính sáng tạo của văn bản truyện so với truyện gốc được thể hiện ở những điểm nào?  2. Chỉ ra một số chi tiết cho thấy văn bản truyện kể trên có kết hợp khéo léo các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể chuyện.  3. Văn bản trên đã đáp ứng những yêu cầu về nội dung đối với các phần mở đầu truyện, diễn biến truyện, kết thúc truyện như thế nào?  4. Qua văn bản trên, em rút ra được những lưu ý gì khi viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS tham gia hoạt động, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Hướng dẫn phân tích kiểu bài**  **1. Tính sáng tạo của văn bản truyện so với truyện gốc được thể hiện ở những điểm nào?**  - Có phần dẫn dắt của tác giả ở đầu VB.  - Kết hợp các yếu tố biểu cảm và miêu tả trong VB  - Có sự thay đổi về ngôi kể chuyện từ góc nhìn thứ ba sang ngôi thứ nhất.  **Chi tiết sự việc trong truyện gốc**  + Ngọc Hoàng sai một vị thần mang hai hạt túi giống (1 túi đựng hạt ngũ cốc, ưu tiên gieo trước; 1 túi đựng giống cỏ, gieo sau) gieo xuống trần gian giúp muôn loài có thức ăn  + Sau khi phạm sai lầm, không tự nhận tội mà phải để nhân dân kêu than với nhà trời.  **Chi tiết sự việc qua sáng tạo**  + Giời sinh ra loài người và các giống vật nuôi, không muốn chúng ăn thịt lẫn nhau, bèn tạo ra ngũ cốc và cỏ.  + Ngọc Hoàng sai một vị thần gieo mười hạt giống và một nắm rễ (ném ngũ cốc trước, rễ nhớ ném từng cái sau)  + Sau khi mắc sai lầm, vị thần tự nhận lỗi lầm, và muốn chuộc tội.  **2. Chỉ ra một số chi tiết cho thấy văn bản truyện kể trên có kết hợp khéo léo các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể chuyện.**  **Kết hợp kể miêu tả**  + vị thần cầm hạt giống tay trái, cầm rễ ở tay phải, …. cong vút lên như mảnh trăng lưỡi liềm.  + đồi núi hoang vu, nằm gối dài lên nhau, những bãi cát bao la, những cánh đồng khô nẻ, chỉ trơ toàn đá xám với đất nâu.  + cỏ mọc lên um tùm thành từng cánh đồng, thành từng ngàn, từng rừng ngun ngút.  + một vật lông xám đen, trên đầu có hai cái sừng dài, cong vút....  **Kết hợp kể, miêu tả, biểu cảm**  + những cái màu xanh đầy sinh khí, cái màu xanh của ngăn ngắt và nõn nà, sắp sửa nảy mầm rồi.  + chỉ chờ một cái giơ tay của ông thần mặc áo sắt gio.  **- Cách viết câu văn miêu tả:** thường sử dụng các **tính từ chỉ đăc điểm phẩm chất, gợi hình ảnh:**  **Ví dụ:** đồi núi hoang vu, nằm gối dài lên nhau, những bãi cát bao la, những cánh đồng…  **- Cách viết câu văn biểu cảm:** thường sử dụng các **tính từ chỉ nhận định, thái độ, cảm xúc, bình phầm**  **Ví dụ:** màu xanh đầy sinh khí, cái màu xanh của ngăn ngắt và nõn nà..  **3. Văn bản trên đã đáp ứng những yêu cầu về nội dung đối với các phần mở đầu truyện, diễn biến truyện, kết thúc truyện như thế nào?**  - **Mở đầu truyện**: đã có lời giới thiệu về lí do có câu chuyện “Con trâu”  - **Diễn biến truyện**: lần lượt kể các sự việc 1,2,3,4, các sự kiện chính xảy ra theo logic hợp lí, đặt nhân vật vào tình huống khó khăn đó là chọn lựa giữa việc gieo hạt ngũ cốc hay là rễ cỏ. Trong đó có sử dụng các yếu tố miêu tả về thiên nhiên, biểu cảm.  - **Kết thúc truyện:** giải thích về sự tích con trâu (Vì nhân vật đã gây ra những sai lầm để lại hậu quả nghiêm trọng nên nhân vật cần phải giải quyết hậu quả ấy bằng cách đó là nhân vật xin tạ lỗi và mong Ngọc Hoàng nương tình. Để giải quyết hậu hoạ mình gây ra, vị thần đã biến thành con trâu và ăn hết đám cỏ đó như một việc gieo nhân nào gặp quả ấy)  **4. Qua văn bản trên, em rút ra được những lưu ý gì khi viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc?**  - Đa dạng hoá về mặt nội dung nhưng cần đảm bảo về nội dung chính, nổi bật những giá trị cốt lõi, không xuyên tạc làm mất đi ý nghĩa của câu chuyện  - Sử dụng các yếu tố biểu cảm và miêu tả để tăng tính mới mẻ, sáng tạo  - Phát triển nhân vật nhiều chiều hơn, những thách thức mới mà nhân vật có thể đối mặt. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Đề bài:**Viết một truyện kể sáng tạo với đề tài tự chọn, phỏng theo một truyện đã đọc (khoảng 1000 chữ) có sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm  **GV hướng dẫn HS từng bước tìm hiểu quy trình viết**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Hướng dẫn quy trình viết**  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  **Chọn một truyện kể, truyện phim mà em đã đọc/đã xem theo sở thích. Lưu ý các tiêu chí lựa chọn:**  - Nội dung truyện phù hợp với thuần phong mĩ tục, có ý nghĩa giáo dục.  - Nhân vật, cốt truyện không quá phức tạp, số trang viết vừa phải,...  - Vừa sức và thuận lợi đối với việc phát huy sự sáng tạo của bản thân.  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  - Đọc kĩ truyện đã tìm, xác định chủ đề, đặc điểm nội dung, hình thức của truyện kể sẽ phỏng theo tóm tắt chuỗi sự kiện, nhân vật (theo dạng sơ đồ).  - Trả lời một số câu hỏi dưới đây để định hướng cho việc viết lại thành văn bản truyện kể mới:  + Với chủ để của truyện gốc, nên phát triển, khơi sâu một khía cạnh hay nắn lại chủ để theo một hướng nào khác?  + Cần thay đổi các yếu tố hình thức của truyện theo hướng nào? (Nên bổ sung những gì vào cốt truyện, nhân vật, bối cảnh của truyện gốc? Nên thay đổi ngôi kể, cách kể chuyện hay không?...)    **Lập dàn ý**    **Bước 3: Viết bài**  **Viết văn bản dựa vào dàn ý đã lập; chú ý kết hợp trần thuật với miêu tả, biểu cảm.**  *Lưu ý:* Khi viết một truyện kể sáng tạo trên cơ sở phỏng theo một truyện đã đọc, em cần học tập cách hư cấu sáng tạo của các nhà văn.  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**Gv chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm chọn 1 truyện**

- B1: hoàn thành Phiếu tìm ý

- B2: hoàn thành sơ đồ dàn ý

- B3: viết bài hoàn thiện

**Bài viết mẫu**

**Cô bé Lọ Lem và chiếc xe đạp huyền bí**

Ngày xửa ngày xưa, tại một ngôi làng nhỏ bình yên ven biển, có một cô bé tên là Lọ Lem. Lọ Lem mồ côi cha mẹ từ nhỏ, sống cùng bà dì ghẻ và hai người chị em cùng cha khác mẹ. Hai người chị em của Lọ Lem xinh đẹp, kiêu hãnh, luôn ganh tị và đối xử tàn tệ với cô. Lọ Lem phải làm mọi việc nhà từ sáng sớm đến tối mịt, không có thời gian vui chơi hay học hành như những đứa trẻ khác.

Vào một buổi sáng mùa hè trong trẻo, Lọ Lem đang miệt mài giặt giũ bên bờ suối thì bất ngờ nghe thấy tiếng chuông reo vang. Nhìn theo âm thanh, cô bé thấy một chiếc xe đạp màu bạc lấp lánh xuất hiện giữa khu rừng. Chiếc xe đạp có khung bằng kim loại sáng bóng, bánh xe bằng cao su mềm mại, và những chiếc nan hoa lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời. Lọ Lem chưa bao giờ nhìn thấy một chiếc xe đạp nào đẹp đến vậy.

Bị thu hút bởi vẻ đẹp lộng lẫy, Lọ Lem tò mò tiến đến chiếc xe đạp. Ngay khi cô bé đặt tay lên tay lái, một luồng ánh sáng kỳ diệu bao trùm lấy Lọ Lem và chiếc xe đạp. Khi ánh sáng tan biến, Lọ Lem bỗng nhiên được biến hóa thành một cô gái xinh đẹp rạng rỡ, mặc trên mình bộ váy màu xanh biếc lấp lánh, mái tóc đen dài uốn xoăn bồng bềnh.

Chiếc xe đạp cũng thay đổi ngoại hình, trở thành một cỗ xe ngựa lộng lẫy, được kéo bởi bốn chú ngựa trắng tinh khôi. Lọ Lem ngỡ ngàng nhìn ngắm sự biến hóa kỳ diệu này, không thể tin vào mắt mình. Bỗng nhiên, một giọng nói nhẹ nhàng vang vọng từ trong khu rừng: "Lọ Lem, con hãy nhanh chóng đến dự vũ hội hoàng gia. Hãy tận hưởng khoảnh khắc tuyệt vời này, con xứng đáng được hạnh phúc."

Lọ Lem vui mừng khôn xiết, cô bé vội vã leo lên cỗ xe ngựa và ra lệnh cho những chú ngựa đưa mình đến cung điện. Vừa đến cổng cung điện, mọi người đều choáng ngợp trước vẻ đẹp lộng lẫy của Lọ Lem và cỗ xe ngựa huyền bí. Hoàng tử, khi nhìn thấy Lọ Lem, đã ngay lập tức bị thu hút bởi vẻ đẹp và sự thanh tao của cô bé. Hoàng tử mời Lọ Lem vào dự vũ hội, và họ đã có những giây phút vui vẻ, hạnh phúc bên nhau.

Tuy nhiên, Lọ Lem biết rằng phép thuật sẽ chỉ kéo dài đến nửa đêm. Khi tiếng chuông đồng hồ điểm 12 giờ, Lọ Lem vội vã rời khỏi vũ hội, bỏ lại một chiếc dép thủy tinh nhỏ xinh. Hoàng tử quyết tâm tìm kiếm người con gái bí ẩn đã đánh cắp trái tim mình, và anh đã đi khắp nơi để thử chiếc giày thủy tinh cho tất cả những người phụ nữ trong vương quốc.

Cuối cùng, hoàng tử đến nhà của Lọ Lem, nơi hai người chị em của cô bé đang cố gắng nhồi nhét đôi chân to lớn của họ vào chiếc dép thủy tinh. Lọ Lem xuất hiện, và khi hoàng tử thử chiếc dép cho cô bé, nó vừa vặn hoàn hảo. Lọ Lem mỉm cười hạnh phúc, và phép thuật biến mất, trả lại cho cô bé hình ảnh giản dị thường ngày.

Hoàng tử nhận ra Lọ Lem chính là cô gái bí ẩn mình đã tìm kiếm bấy lâu nay. Anh vô cùng vui mừng và cầu hôn Lọ Lem. Họ đã tổ chức một đám cưới lộng lẫy, và họ sống hạnh phúc bên nhau mãi mãi.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**GV hướng dẫn HS đánh giá bài viết dựa trên mẫu phiếu đã học**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1.Bài vừa học:

-Nắm được nội dung bài học, học thuộc nội dung ghi vở

2.Bài sắp học: **Kể một câu chuyện tưởng tượng**

- Đọc văn bản và trả lời câu hỏi sgk/119

**TIẾT 54: NÓI VÀ NGHE**

**KỂ MỘT CÂU CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

**2. Phẩm chất**

- Kỉ luật, biết lắng nghe

- Chăm chỉ: chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Một số hình ảnh, phiếu kiểm liên quan đến nội dung bài học.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV** cho HS xem bộ phim: “Bộ quần áo mới của hoàng đế” và yêu cầu HS tưởng tượng phần kết theo cách của mình

*-* ***GV dẫn vào bài học…*** *Mỗi bạn trong lớp chúng ta đều có cách tiếp nối, kết thúc câu chuyện theo cách riêng của mình đúng không nào? Tiếp nối bài viết ngày hôm trước, buổi học này, chúng ta sẽ chuyển từ bài viết thành bài nói nhé. Bài viết chuyển thành bài nói và nghe sẽ như thế nào. Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay luôn nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Đề bài:** Hãy kể một câu chuyện hoàn toàn dựa trên trí tưởng tượng của em (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện) hoặc mô phỏng một truyện đã học  GV hướng dẫn HS các bước thực hiện nói và nghe **kể một câu chuyện tưởng tượng**  GV tổ chức hoạt động **Nối nhanh – check kiến thức**    **GV tổ chức hoạt động Think – PAIR - SHARE**    **Giống nhau:** Có bối cảnh (không gian, thời gian diễn ra câu chuyện); có cốt truyện (chuỗi hành động của các nhân vật); có nhân vật (con người, con vật, thần tiên, cây cối, đồ vật,...).  **Khác nhau**  **+ Kể một câu chuyện tưởng tượng**: Hoàn toàn do người kể sáng tạo  **+ Kể lại một câu chuyện mô phỏng truyện đã đọc**: Dựa trên nội dung truyện gốc, thay đổi, điều chỉnh một số chi tiết, ngôi kể,...  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận vấn đề  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, lắng nghe sự gợi dẫn của GV  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **Quy trình thực hiện**  **Bước 1: Chuẩn bị bài nói (kể chuyện)**  - Chọn kể câu chuyện tưởng tượng    - Xác định mục đích, thời gian, không gian nói, đối tượng nguời nghe để có cách kể phù hợp.  **Bước 2: Luyện tập, trình bày**  *Lưu ý:*  • Lời kể phải tự nhiên, ngữ điệu phù hợp với văn nói và kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong khi kể để câu chuyện được truyền cảm, hấp dẫn.  • Có thể tự quay một đoạn phim về cách kể chuyện của bản thân để xem lại và điều chỉnh.  **Bước 3: Trao đổi, đánh giá** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**Đề bài:** Hãy kể một câu chuyện hoàn toàn dựa trên trí tưởng tượng của em (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện) hoặc mô phỏng một truyện đã học

Xin chào thầy cô và các bạn. Sau đây em xin kể lại câu chuyện dựa theo trí tưởng tượng của em.

Thuở xa xưa, có một gia đình chỉ có hai mẹ con. Người mẹ xấp xỉ tuổi sáu mươi, còn người con gái chỉ độ chín mười tuổi. Nhà họ rất nghèo nhưng họ sống phúc đức nên được bà con lối xóm thương yêu, quý mến.

Một ngày nọ, sau buổi đi làm đồng về, người mẹ nhuốm bệnh nằm liệt giường. Bà con lối xóm đến thăm nom giúp đỡ tiền bạc, thuốc thang, chạy chữa cho bà nhưng bệnh tình của bà không thuyên giảm mà mỗi ngày mỗi nặng thêm. Hằng ngày, cô bé túc trực bên giường bệnh không rời mẹ một bước. Nhiều lúc, cô phải nhịn ăn nhường phần cho mẹ. Tuy vất vả thiếu thốn đủ đường nhưng cô bé không bao giờ than vãn một điều gì. Rồi một hôm mệt quá, cô bé thiếp đi lúc nào không biết.

Trong giấc chiêm bao, cô bé nghe một tiếng nói thì thầm bên tai:

- Cháu muốn cứu mẹ thì hãy vượt qua chín ngọn đồi ở phía tây. Đến đó có một ngôi nhà bên vệ đường. Cháu cứ vào nhà gõ cửa sẽ có người giúp cháu chữa khỏi bệnh cho mẹ.

Cô bé tỉnh dậy, mong trời mau sáng để thực hiện lời dặn của thần linh trong giấc chiêm bao. Trời vừa hửng sáng, cô bé vội chạy sang nhà hàng xóm nhờ trông hộ mẹ cho mình rồi tạm biệt mẹ già ra đi. Sau bảy ngày trèo đèo lội suối, vượt qua bao nhiêu rừng rậm, thác nghềnh, cô bé đã đến được ngôi nhà bên vệ đường. Vừa mới gõ cửa thì một bà cụ tóc trắng như cước, đôi mắt hiền từ phúc hậu tay chống gậy trúc bước ra, nói:

- Ta đợi cháu ở đây mấy ngày rồi. Ta rất quý tấm lòng hiếu thảo của cháu. Đây là một lọ thuốc thần, cháu hãy cầm lấy mang về chữa bệnh cho mẹ. Cháu chỉ cần cho mẹ uống một viên thôi, mẹ cháu sẽ khỏi. Số thuốc còn lại tùy cháu sử dụng.

- Bà ơi! Cháu cảm ơn bà nhiều lắm!

- Thôi, cháu hãy mau trở về. Mẹ cháu và dân làng đang mong đấy.

Nói xong, bà tiên và cả ngôi nhà biến mất. Cô bé vội vã lên đường trở về nhà. Sau khi chữa khỏi bệnh cho mẹ, cô bé còn dùng số thuốc còn lại cứu sống không biết bao nhiêu người nữa. Từ đó, cuộc sống của hai mẹ con họ thật đầm ấm, hạnh phúc. Họ sống trong tình thương yêu đùm bọc của dân làng.

Bài nói của em đến đây là kết thúc, rất mong nhận được sự góp ý, nhận xét của cô và các bạn trong lớp.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**1. GV yêu cầu HS theo dõi và thực hiện đánh giá theo bảng kiểm mẫu**

**2. GV áp dụng Kĩ thuật 3-2-1**

- Em hãy viết lại 3 điều mà em thấy mình đã làm tốt trong buổi nói – nghe ngày hôm nay.

- Em hãy đánh giá 2 điều mình còn cần cải thiện trong buổi nói – nghe tiếp theo.

- Em hãy chỉ ra 1 điểm mà mình làm chưa tốt trong buổi nói và nghe.

- Em hãy bình chọn 1 người nói xuất sắc và 1 người nghe tích cực trong buổi nói – nghe ngày hôm nay.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1.Bài vừa học:

-Nắm được nội dung bài học, học thuộc nội dung ghi vở

2.Bài sắp học: **Ôn tập**

- Đọc văn bản và trả lời câu hỏi sgk/121

**TIẾT 55: ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Tổng hợp kiến thức trong chủ đề 4

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất**

- Nghiêm túc, chăm học

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**GV tổ chức trò chơi KHỈ CON TRANH TÀI**

**1. Em hãy sắp xếp các kí tự sau thành từ có nghĩa: I/O/A/K**

🡪 KÌ ẢO

**2. Văn bản “Truyện lạ nhà thuyền chài” của tác giả nào?**

🡪 Lê Thánh Tông

**3. Đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện qua những yếu tố nào?**

🡪 Không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời của người kể chuyện

**4. Nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của một người/nhân vật…là đặc điểm của lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?**

🡪 Lời dẫn trực tiếp

**5. Bố cục của bài văn kể truyện sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc gồm có mấy phần?**

🡪 3 phần

**6. Em hãy sắp xếp các kí tự sau thành từ có nghĩa: Ư/U/H/Â/C**

🡪 HƯ CẤU

**7. Gồm 19 truyện kí và 1 truyện phụ lục, viết theo nhiều thể loại khác nhau là đặc điểm của tập sách nào?**

🡪 Thánh Tông di thảo

**8. Nhân vật trong truyện truyền kì thường là những ai?**

🡪 Con người, thần linh, ma quỷ

**9. Khi viết được đặt trong dấu ngoặc kép, sau dấu hai chấm là đặc điểm của cách dẫn trực tiếp hay gián tiếp?**

🡪 Lời dẫn trực tiếp

**10. Theo em, có nên xác định mục đích, thời gian, không gian nói, đối tượng nghe để có cách nói phù hợp hay không?**

🡪 Có

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Trò chơi vừa rồi đã giúp các em củng cố lại một chút kiến thức chúng ta đã học trong bài 4. Chúng ta sẽ tiếp tục điểm qua lại kiến thức đó qua các bài tập ngày hôm nay nhé!*

**Hoạt động 2: Ôn tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động DÂN HỎI BỘ TRƯỞNG TRẢ LỜI**  1. Liệt kê một số yếu tố kì ảo quan trọng và nêu tác dụng của nó trong các truyện *Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện lạ nhà thuyền chài, Dế Chọi*  2. Vì sao trong truyện truyền kì (như *Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện lạ nhà thuyền chài, Dế chọi*,...) luôn cần đến yếu tố kì ảo?  3. Có những điểm khác biệt nào trong cách đọc hiểu một truyện có sử dụng yếu tố kì ảo và một truyện không sử dụng yếu tố này?  4. Phân biệt cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp. Cho ví dụ minh hoạ  5. Theo em, điều quyết định thành công trong việc viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng một truyện kể đã đọc là gì?  6. Nêu một số điểm cần ghi nhớ khi kể lại một câu chuyện mô phỏng lại truyện đã đọc  - GV dùng vòng quay gọi tên lên làm Bộ trưởng - Vua - Trời. Được tại vị 10 phút. Tuy nhiên có ngồi được đến hết nhiệm kì hay không là do khả năng của bạn có trả lời được các câu hỏi của dân hay không? Trả lời được càng nhiều càng được dân ủng hộ. Bộ trưởng khi ngồi lên ghế nóng để dân hỏi được dùng sgk làm công cụ hỗ trợ. Tuy nhiên trong 30 giây không đưa ra được câu trả lời được sẽ bị phế truất về chỗ. Gọi bạn khác lên thay.  - Dân đặt câu hỏi phải biết câu trả lời đúng. Hỏi câu hỏi trong nội dung bài tập 1,2,3,4,5 (có thể chia thành nhiều ý nhỏ) và đặt câu hỏi đúng ngắn gọn súc tích. Dân được chỉ định hỏi mà đứng lên ko trả lời được trong 30 giây sẽ bị bộ trưởng phạt nha 😜. Dân đừng quên HÃY LUÔN ĐỂ BỘ TRƯỞNG BẬN RỘN ĐỪNG ĐỂ BỘ TRƯỜNG NGỒI CHƠI. Hãy hỏi nhiều và liên tục nhé. 😂😂  - Thời gian: 5 phút  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS tham gia hoạt động, hoàn thành bài tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1**  **\* Chuyện người con gái Nam Xương**  **Yếu tố kì ảo**  **- Nhân vật và thế giới kì ảo**: thuỷ phủ của Linh Phi, các đồ vật kì ảo  **- Hành động kì ảo**: Linh Phi báo mông và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị Thiết, trả ơn Phan Lang của Linh Phi  **- Cảnh gặp gỡ kì ảo**: đàn tràng giải oan, cảnh gặp gỡ trong cách biệt  **Tác dụng**: **Làm rõ chủ đề:** Thể hiện niềm cảm thương số phận những người phụ nữ, thể hiện niềm mong ước: người tốt sẽ được thần nhân phù trợ  **\* Truyện lạ nhà thuyền chài**  **Yếu tố kì ảo**  **- Nhân vật và thế giới kì ảo:**  +Nhân vật Ngoạ Vân, cha mẹ Ngoạ Vân, "gã bán kinh"  + Cuộc gặp gỡ kì lạ ở không gian biển khơi, đảo ấp  + Yếu tố "thiên cơ" và những luật lệ khác ở trần gian  **- Hành động kì ảo**: việc gã bán kinh đưa cha mẹ Thúc Ngư về nhà, thuật rẽ nước và phép thuật chống lại sóng dữ của Ngoạ Vân  **Tác dụng**  **- Thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo** (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tính cách của con người  - **Làm rõ chủ đề:** ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam  **\* Dế chọi**  **Yếu tố kì ảo**  **- Thế giới và nhân vật kì ảo:** con dế, cô đồng  + Thầy bói chỉ cách bắt dế  + Con dế kì lạ (không rõ là dế hay người)  **- Tình tiết/ biến hoá kì ảo**: người hoá dế, tìm được dế lạ nhờ cô đồng  + Người sắp chết nhập hồn hoá dế  + Dế quý (lanh lẹ, chọi giỏi), cứu người, hoá người  **Tác dụng**  - Góp phần tô đậm tình cảnh cùng quẫn của dân chúng vì nạn dâng dế quý  - Góp phần thể hiện số phận thăng trầm của nhân vật là vì dế, nhờ dế  **Bài 2**  - Thế giới truyền kì vốn là thế giới khác biệt với thế giới thực bởi tính kì ảo  - Sức hấp dẫn của truyện truyền kì là ở trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo yếu tố kì ảo  - Yếu tố kì ảo giúp tác giả thực hiện được lối nói “ngụ ngôn”, mượn chuyện xảy ra trong thế giới kì ảo để ám chỉ về thế giới thực mà tránh được những điều rắc rối, phiền phức.  **Bài 3**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm/ cách đọc** | **Truyện không sử dụng yếu tố kì ảo** | **Truyện sử dụng yếu tố kì ảo** | | Đặc điểm | Phản ánh trực tiếp các vấn đề của đời sống thực tại | Phản ánh gián tiếp các vấn đề của đời sống thực tại. | | Cách đọc | Lưu ý loại hình tượng, nhân vật, sự việc, chi tiết có thực trong đời sống. | Lưu ý loại hình tượng, nhân vật, sự việc, chi tiết kì ảo đề cập đến các vấn đề đời sống một cách ẩn ý, bóng gió |   **Bài 4**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Cách dẫn trực tiếp** | **Cách dẫn gián tiếp** | **Ví dụ** | | **Khái niệm** | Nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của một người/ nhân vật. | Thuật lại lời nói hay ý nghĩ của một người/ nhân vật theo cách diễn đạt của mình | Mẹ Dâu nói vọng vào: “Bố ơi, lấy cho Dâu cái váy nhé!” | | **Dấu hiệu nhận biết** | - Khi viết: được đặt trong dấu ngoặc kép sau dấu hai chấm.  - Khi nói giữ nguyên ngôi xưng hô. | - Khi viết: không đặt trong dấu ngoặc kép.  - Khi nói ngôi xưng hô có sự thay đổi.  - Thường đi kèm các từ “*rằng”, “là”* | - Bố ơi, bà bảo chiều nay về ăn cơm ở nhà đó. |   **Bài 5**  - Chọn được truyện kể đã đọc phù hợp.  - Biết cách kể chuyện sáng tạo dựa trên cơ sở mô phỏng truyện kể đã đọc.  - Lời kể, giọng kể hấp dẫn, lôi cuốn  **Bài 6**  - Có dàn ý cho bài kể chuyện  - Sử dụng kết hợp phương tiện phi ngôn ngữ trong khi kể.  - Giao tiếp tương tác trong và sau khi kể chuyện |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**GV yêu cầu HS hoàn thành PHT**



**Bài học từ "Chuyện người con gái Nam Xương"**

"Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ là một tác phẩm mang đậm giá trị nhân đạo, ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam và tố cáo xã hội phong kiến bất công. Qua câu chuyện về Vũ Nương, tác giả đã gửi gắm đến người đọc nhiều bài học quý giá về cuộc sống.

Bài học đầu tiên là về lòng chung thủy, son sắt của người phụ nữ Việt Nam. Vũ Nương là một người vợ, người mẹ hết mực thương yêu chồng con. Khi chồng đi lính, nàng một mình lo toan mọi việc, giữ gìn gia phong, vun vén hạnh phúc gia đình. Nàng luôn "giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa". Khi bị nghi oan, Vũ Nương đã chọn cách giải thoát bản thân bằng cái chết, thể hiện sự phẫn uất trước sự bất công và giữ trọn phẩm giá của người phụ nữ.

Bài học thứ hai là về sự cần thiết của lòng tin trong cuộc sống hôn nhân. Trương Sinh, vì tính đa nghi, ghen tuông, đã vội vàng kết tội Vũ Nương mà không hề tìm hiểu sự thật. Nỗi oan uổng của Vũ Nương là lời cảnh tỉnh cho những ai thiếu lòng tin trong cuộc sống hôn nhân. Gia đình cần có sự tin tưởng lẫn nhau, chia sẻ và thấu hiểu để cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Bài học thứ ba là về sự bất công của xã hội phong kiến. Vũ Nương, một người phụ nữ đức hạnh, nết na, lại phải chịu bi kịch đau thương vì sự nghi kỵ, ghen tuông của người chồng và sự hà khắc của xã hội phong kiến. Cái chết của Vũ Nương là lời tố cáo đanh thép đối với xã hội phong kiến bất công, trọng nam khinh nữ, đẩy người phụ nữ vào bước đường cùng.

"Chuyện người con gái Nam Xương" là một tác phẩm có giá trị nhân đạo sâu sắc, khơi gợi lòng trân trọng, thương cảm cho những người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến. Qua câu chuyện về Vũ Nương, tác giả đã gửi gắm đến người đọc bài học về lòng chung thủy, lòng tin và sự cần thiết phải đấu tranh chống lại những bất công trong xã hội.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**GV yêu cầu HS đọc trước chủ đề 5**

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1.Bài vừa học:

-Nắm được nội dung bài học, học thuộc nội dung ghi vở

2.Bài sắp học: **Bài 5: Khát vọng công lí**

**- Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga**

- Đọc văn bản và trả lời câu hỏi sgk/130